

đồng đều, những nơi cơ sở yếu hay những vùng xung yếu phát triển Đảng chưa mạnh¹. Thực hiện cuộc vận động, xây dựng Huyện ủy "bốn tốt" tuy có tiến bộ nhưng còn chậm. Sự chỉ đạo của Đảng bộ thiếu toàn diện và tập trung. Những yếu kém trên được cấp ủy, chính quyền nhận thức rõ và từng bước tháo gỡ.

Qua bốn năm (1965-1968) phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI, XII, thực hiện quyết tâm "*Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*", Đảng bộ lãnh đạo quân và dân Thanh Liêm vượt lên muôn ngàn thử thách, vừa sản xuất, vừa chiến đấu, vừa chi viện cho chiến trường miền Nam và giành nhiều thắng lợi trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Trong sản xuất nông nghiệp, điểm nổi bật là thực hiện thắng lợi chủ trương của Tỉnh ủy Nam Hà "*Tiến công vào đồng chiêm trũng*", nông dân sôi nổi hoà mình vào phong trào "*Nghiêng đồng đổ nước ra sông*" để chống úng, phong trào thi đua "*Cánh đồng 5 tấn thắng Mỹ*" với hàng loạt các hợp tác xã đạt và vượt chỉ tiêu như Lại Xá (Thanh Tuyên), Khoái Quán (Liêm Sơn), Triệu Xá (Liêm Tuyên), Hoà Ngãi (Thanh Hà)... Vụ chiêm năm 1967, vụ mùa năm 1968, liên tục thắng lợi, năng suất và sản lượng đạt cao nhất trong vòng 7 năm (tính từ năm 1961). Trên các mặt trận giao thông vận tải, huyện tiếp tục phát huy thành tích với bốn năm gian khổ làm đường, làm thủy lợi. Trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, đã cùng cố và phát triển lớn mạnh lực lượng dân quân tự vệ; luôn hoàn thành nhiệm vụ chi viện tiền tuyến và làm tốt công tác hậu phương quân đội... Huân

¹ Vẫn còn 107 đội sản xuất chưa có tổ Đảng (21%), 39 đội sản xuất chưa có đảng viên (9,9%).

chương Chiến công hạng Nhì và Huân chương Lao động hạng Hai và Ba¹ mà Nhà nước trao tặng là những phần thưởng xứng đáng với Đảng bộ và quân dân toàn huyện. Những thành công đó tạo nên khí thế mới, thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa phong trào cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Thanh Liêm.

II. TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, GÓP PHẦN ĐÁNH THẮNG CUỘC CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ HAI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ, TĂNG CƯỜNG CHI VIỆN CHO CÁCH MẠNG MIỀN NAM (1969-1972)

Do thất bại nặng nề ở cả hai miền Nam - Bắc, ngày 1-11-1968, đế quốc Mỹ phải tuyên bố ngừng hoàn toàn các cuộc ném bom miền Bắc. Nhưng với bản chất hiếu chiến, chúng chuyển sang chiến lược "*Việt Nam hóa chiến tranh*" ở miền Nam, chuẩn bị mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương. Trước những diễn biến mới, Trung ương Đảng xác định nhiệm vụ hàng đầu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta là đẩy mạnh sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước đến toàn thắng... Ở miền Bắc, địch có thể đánh phá trở lại một số nơi, ta phải đề cao cảnh giác, nhưng phải hết sức tranh thủ những thuận lợi mới, khắc phục khó khăn, tăng cường lực lượng ở miền Bắc và chi viện cho miền Nam.

Quán triệt đường lối của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất, tháng 11-1968, Đảng bộ Thanh Liêm tiến

¹ Quốc hội trao tặng Huân chương Lao động hạng Hai cho huyện về thành tích trong công tác hậu phương quân đội; Huân chương Chiến công hạng Nhì về thành tích xây dựng dân quân tự vệ; Huân chương Lao động hạng Ba về công tác giao thông vận tải. Theo *Báo Nam Hà*, số 546, ngày 28-11-1968, tr.3.

hành Đại hội đại biểu lần thứ XIII. Đánh giá cụ thể và khách quan những nhiệm vụ chính trị trong hơn 20 tháng kể từ Đại hội XII (tháng 3-1967), Đại hội khẳng định: dù còn những mặt hạn chế so với yêu cầu nhiệm vụ song xuất phát từ khả năng thực tế của huyện thì thành công vẫn là mặt nổi trội. Trong hai năm 1969-1970, phương hướng và nhiệm vụ được Đại hội xác định là: tập trung sức tiến công vào đồng chiêm trũng, đặc biệt là đẩy mạnh hơn nữa công tác thủy lợi kết hợp với giao thông vận tải nông thôn để tạo điều kiện cho nông nghiệp phát triển toàn diện; đưa toàn bộ 100% diện tích khu vực đồi nương vào sản xuất tập thể¹. Về mục tiêu cụ thể, phấn đấu đến năm 1970 toàn huyện đạt 1,2 lao động, 2 con lợn (90kg) và 4,5 tấn thóc/1 ha; diện tích cấy hai vụ chính đạt 5 tấn thóc/ha... Ngoài ra, Đại hội nêu lên những biện pháp đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể và tổ chức tốt đời sống nhân dân.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành khoá XIII gồm 23 uỷ viên chính thức, 2 uỷ viên dự khuyết (trong đó có 20% là phụ nữ). Đồng chí Hoàng Diễm tiếp tục được bầu giữ chức vụ Bí thư Huyện uỷ, đồng chí Lê Minh Trị tiếp tục được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Đào Hữu Quy tiếp tục được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư - Chủ tịch Uỷ ban hành chính.

Trong tình hình mới, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ có những thuận lợi cơ bản, nhất là trong điều kiện Mỹ phải tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc. Thực hiện Nghị quyết số 197 của Đảng, Nghị quyết số 84 của Chính phủ, Đảng bộ lãnh đạo sát sao việc học tập Điều lệ hợp tác xã sản xuất nông nghiệp

¹ Mới thực hiện tập thể hoá nương chè ở Bồng Lạng cho kết quả tích cực.

và tiến hành cuộc vận động phát huy dân chủ trong quần chúng xã viên. Các hợp tác xã nghiêm túc tiến hành Đại hội xã viên, bầu Ban quản trị, chỉ huy đội sản xuất, bàn bạc lao động sản xuất, phân phối lương thực, tạo ra những chuyển biến tốt trong phát huy quyền làm chủ tập thể. Vai trò lãnh đạo của các tổ chức đảng, chính quyền, tình đoàn kết gắn bó trong nội bộ hợp tác xã được củng cố, lao động sản xuất được đẩy mạnh.

Để nâng cao trình độ quản lý cho đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã, huyện thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng trình độ quản lý lao động cho đội ngũ Chủ nhiệm, Phó chủ nhiệm hợp tác xã. Công tác quản lý trên một số mặt có tiến bộ rõ như việc huy động lao động, nhất là trong lúc thời vụ khẩn trương, quần chúng tham gia đông đảo, ngày công, giờ công tăng hơn trước. Đã có sự phân bổ sử dụng lao động, xếp bậc điều chỉnh định mức hợp lý hơn, thực hiện khoán nhóm nhỏ, lịch canh tác được nhiều đội áp dụng tốt. Quy mô đội sản xuất ổn định, xây dựng tổ đội chuyên môn có nhiều tiến bộ, các công cụ sản xuất được bổ sung; cơ khí nhỏ từng bước được tăng cường. Việc thực hiện mục tiêu giảm số lao động trên một diện tích canh tác mặc dù chưa đạt chỉ tiêu đề ra nhưng đã có chuyển biến tích cực: năm 1968 bình quân toàn huyện là 1,77 lao động/ha, đến năm 1969 đạt 1,41 lao động/ha¹. Lao động trong hợp tác xã từng bước được phân bổ chuyển dần từ trồng trọt sang chăn nuôi và ngành nghề, từng bước chuyên môn hóa lao động từng khâu,

¹ Những đơn vị đạt mục tiêu như xã Thanh Phong, hợp tác xã Bồng Lãng, riêng hợp tác xã Thanh Sơn đạt cả 2 mục tiêu về 5 tấn thóc trên diện tích 2 vụ lúa và 1 lao động/ha; hợp tác xã Thanh Bình đạt xấp xỉ 1 lao động/ha.

tùng việc. Quy mô hợp tác xã được mở rộng dần, đến năm 1970, đã có 95,48% hộ nông dân vào hợp tác xã, trong đó số hộ công giáo là 91%. Toàn huyện có 69 hợp tác xã bậc cao, số hợp tác xã quy mô từ 100 ha trở lên chiếm 85%. Những chuyển biến tích cực trong hoạt động của các hợp tác xã và tinh thần làm chủ của xã viên đã tác động mạnh mẽ và toàn diện, tạo nên một khí thế mới trong thi đua lao động sản xuất.

Đẩy mạnh mở rộng diện tích và thâm canh cây lúa là hai nội dung được huyện quan tâm chỉ đạo. Việc đưa giống lúa mới vào đồng ruộng từng bước được thực hiện, phát huy hiệu quả rõ rệt. Đông xuân 1969-1970, xã Thanh Nguyên đạt bình quân 3.960kg/ha, hợp tác xã Thanh Sơn đạt 2.500kg/ha. Cùng với sản xuất lúa, các loại cây hoa màu tăng cả về diện tích, năng suất và sản lượng, trong đó diện tích lạc, vừng tăng đáng kể. Sản lượng cây màu tăng tạo điều kiện thuận lợi để chăn nuôi phát triển. Số lượng đàn lợn tăng dần, việc phòng trừ dịch bệnh được coi trọng, năm 1969, tuy chưa đạt kế hoạch, nhưng tăng hơn năm 1967 là 12,3%. Chăn nuôi trâu, bò cày kéo và sinh sản có chuyển biến, nhất là số lượng nghé tăng khá ở hầu khắp các hợp tác xã, kể cả vùng đồng chiêm trũng, nổi bật là Chè Làng, Thanh Sơn, Ninh Phú. Phong trào trồng cây có tiến bộ rõ rệt, tính đến tháng 4-1969, có 62 mẫu vườn ươm, tăng 268kg giống các loại, trồng 404.531 cây, bình quân 5 cây/người, tăng 25% so với kế hoạch năm 1968...

Giữa lúc nhân dân Thanh Liêm đang thi đua phấn đấu sản xuất thì ngày 2-9-1969, tại Thủ đô Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu đã qua đời. Đảng bộ Thanh Liêm đã tổ chức lễ tang và đê tang Người. Hàng nghìn bàn thờ được lập ra ở các trụ sở đê

cán bộ, nhân dân và các lực lượng vũ trang đến viếng. Nhiều gia đình đã chọn nơi trang trọng để thờ Bác.

Thực hiện Lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, biến đau thương thành hành động cách mạng, cùng với quần dân cả nước, quần dân Thanh Liêm đẩy lên phong trào thi đua sản xuất, công tác, xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa - giáo dục và sẵn sàng chiến đấu. Đảng bộ Thanh Liêm mở đợt sinh hoạt chính trị: *"Học tập và làm theo di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh"*, *"Sống, chiến đấu và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại"*. Qua đợt sinh hoạt chính trị, hầu hết cán bộ, đảng viên và nhân dân phát huy được ý chí cách mạng, đẩy mạnh sản xuất, tăng cường sự đoàn kết. Tiếp đó, Huyện uỷ phát động tháng thi đua *"làm theo di chúc của Hồ Chủ tịch, phát cao cờ hồng, lập công danh Đảng"*. Khắp nơi, từ trung tâm huyện đến các xã đều hăng hái thi đua lao động sản xuất, học tập, phục vụ tiền tuyến.

Phong trào thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ diễn ra trong năm 1969 mà phát triển lên một cao trào thi đua liên tục, rộng khắp trong cả nước, được Đảng bộ và nhân dân Thanh Liêm tích cực hưởng ứng. Huyện uỷ phát động nhiều đợt thi đua gắn ngày với từng nội dung cụ thể, thiết thực phục vụ sản xuất và chiến đấu. Tác động của các đợt thi đua trong những năm 1970-1971 đã làm chuyển biến rõ rệt chất lượng lao động và sản xuất trên mọi lĩnh vực, nhất là nông nghiệp. Đồng thời, trong thời gian này, huyện còn đón nhận những sự kiện chính trị quan trọng tiếp thêm sức mạnh cho phong trào. Đó là Đại hội Đảng bộ huyện Thanh Liêm lần thứ XIV được tổ chức vào tháng 1-1971 tại đình thôn Cháy (xã Liêm Thuận) và Đại hội Đảng bộ lần thứ XV tổ chức vào tháng 11-1971 tại thôn Mậu

Chữ (xã Thanh Hà)¹. Đại hội XIV kiểm điểm tình hình năm 1969, bàn các biện pháp cụ thể trước mắt, trong đó trọng tâm là lương thực thực phẩm. Đại hội XV đề ra phương hướng, nhiệm vụ chung trong 2 năm 1972-1973 là: quyết tâm đẩy mạnh công tác quân sự địa phương, đảm bảo chi viện đầy đủ, kịp thời cho tiền tuyến. Tập trung khôi phục và phát triển kinh tế địa phương; lấy sản xuất nông nghiệp làm trọng tâm, tạo bước nhảy vọt về lương thực, thực phẩm. Đồng thời phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp, tài chính, thương nghiệp gắn bó và phục vụ đắc lực cho nông nghiệp. Xây dựng các đoàn thể quần chúng và tổ chức cơ sở đảng vững mạnh, phát huy mạnh mẽ tinh thần làm chủ của quần chúng. Phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, hoàn thành tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Nhận thức được những nhiệm vụ chính trị đang đặt ra, đặc biệt là đẩy mạnh phát triển kinh tế, tạo nền tảng vững chắc để hoàn thành nghĩa vụ lương thực, nghĩa vụ tuyển quân, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tốt công tác hậu phương quân đội, Đảng bộ xác định cần phải tập trung vào công tác xây dựng Đảng, coi đây là điều kiện cơ bản quyết định sự thành bại những mục tiêu chiến lược đề ra.

Trong công tác xây dựng Đảng, Huyện uỷ xác định nhiệm vụ trọng tâm là thực hiện cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên gắn với thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, được

¹ Đại hội lần thứ XIV và XV bầu Ban Chấp hành gồm 25 uỷ viên. Đồng chí Hoàng Diễn tiếp tục được bầu làm Bí thư Huyện uỷ; các đồng chí Đoàn Ngọc Lương giữ chức Phó Bí thư Thường trực và Đào Hữu Quy tiếp tục được bầu làm Phó Bí thư - Chủ tịch Uỷ ban hành chính.

cụ thể hoá bằng Nghị quyết 195/TW và Chỉ thị 192/TW về nâng cao chất lượng đảng viên, kết nạp lớp đảng viên Hồ Chí Minh, đưa những người không đủ tư cách ra khỏi Đảng. Đồng thời đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng đảng bộ, chi bộ "bốn tốt". Đây là cuộc vận động lớn trong toàn Đảng, được Đảng bộ khởi động từ những năm trước. Tuy nhiên, kết quả đạt được chưa cao, tỉ lệ đảng bộ, chi bộ và đảng viên đạt tiêu chuẩn "bốn tốt" tuy tăng lên từng năm nhưng so với toàn tỉnh còn thấp. Trong hội nghị sơ kết xây dựng "bốn tốt", Tỉnh uỷ Nam Hà đã xếp huyện ở mức chậm tiến bộ¹. Đó cũng là nguyên nhân khiến các mặt kinh tế, văn hoá, an ninh quốc phòng dù đạt được nhiều thành công song chưa tương xứng với yêu cầu đặt ra. Trước thực tế đó, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã nghiêm túc tự kiểm điểm, rà soát lại quá trình lãnh đạo, chỉ đạo từ trên xuống và thẳng thắn nhìn nhận trách nhiệm lớn nhất thuộc về cấp uỷ huyện. Đó là chưa thực sự nêu cao quyết tâm trong nhiều mũi công tác, Huyện uỷ viên được phân công chưa nắm chắc cơ sở, do đó chỉ đạo lúng túng; một số còn tư tưởng cục bộ; Huyện uỷ chưa quy tụ được nhiều ngành, tính chuyên môn chưa cao... Để sửa chữa những khuyết điểm, hạn chế cần có những biện pháp đồng bộ mà điều đầu tiên là phải quán triệt trong toàn Đảng bộ gắn nội dung xây dựng "bốn tốt" trong các nhiệm vụ chính trị của từng cấp uỷ, từng đảng viên, của từng ngành, từng giới và cải tiến phương thức phân công nhiệm vụ trong Huyện uỷ.

¹ Hội nghị sơ kết diễn ra vào tháng 8-1967. Theo *Báo Nam Hà* số 653, ngày 4-8-1969.

Huyện ủy mở một đợt tự phê bình và phê bình từ trên xuống dưới trong toàn Đảng bộ, tập hợp cán bộ chủ chốt các ngành để liên hệ kiểm điểm thiếu sót trong chỉ đạo "ngang"; đồng thời, lấy ý kiến góp ý các ngành về công tác chỉ đạo. Sau khi quán triệt, các Đảng bộ, chi bộ, tổ đảng đã gắn việc xây dựng Đảng theo yêu cầu "bốn tốt" với nhiệm vụ của địa phương, đặc điểm của vùng. Đối với các đảng viên, huyện chỉ đạo cấp ủy cơ sở áp dụng triệt để chế độ phân công "ba định"¹. Biện pháp chỉ đạo của Huyện ủy là huyện phải gắn với xã, xã gắn với thôn và hợp tác xã, đảng viên phải gắn với đội sản xuất. Trong cấp ủy huyện, mỗi Huyện ủy viên tự nhận nhiệm vụ phụ trách một xã (kể cả những Huyện ủy viên phụ trách ngành). Trong Ban Thường vụ Huyện ủy, ngoài phụ trách cụm, mỗi đồng chí chịu trách nhiệm thêm một xã, hợp tác xã để rút ra kinh nghiệm chỉ đạo chung. Đồng chí Bí thư Huyện ủy cũng trực tiếp chỉ đạo một chi bộ hợp tác xã. Cùng với đó, chế độ kiểm tra cụm, xã, kiểm tra chéo cũng được Huyện ủy quy định và thực hiện nghiêm túc.

Thông qua cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và xây dựng đảng bộ, chi bộ "bốn tốt", công tác phát triển Đảng có sự phát triển vượt bậc, đặc biệt là ở những chi bộ làm điếm. Các cấp ủy xã, cơ quan, trường học đều tìm tòi, phát hiện những quần chúng tích cực trong phong trào, tổ chức học tập "4 điều kiện, 5 tiêu chuẩn", bồi dưỡng kết nạp vào Đảng. Năm 1969 và 9 tháng đầu năm 1970 đã kết nạp thêm 254 đảng viên mới, trong đó 7 đồng chí được kết nạp vào lớp "đảng viên Hồ Chí Minh" vào dịp

¹ "ba định" là mỗi đảng viên phụ trách một số công tác nhất định; một khoảng ruộng nhất định và phụ trách một số gia đình nhất định.

19-5 và 2-9. Công tác kiểm tra được đẩy mạnh, đơn từ khiếu nại được giải quyết nhanh gọn hơn trước¹. Đã tiến hành việc kiểm tra ở 3 Đảng bộ nông thôn (Thanh Tuyên, Liêm Tuyên, Thanh Tân) và 1 chi bộ cơ quan (phòng y tế); kiểm tra công tác phát triển Đảng ở Đảng bộ xã Thanh Nguyên để thí điểm rút kinh nghiệm; kiểm tra tài chính của Đảng ở 7 Đảng bộ xã, 1 chi bộ xí nghiệp. Qua thực hiện tự phê bình và phê bình nghiêm túc, chất lượng đảng viên được nâng cao, những đảng viên giảm sút ý chí chiến đấu, vi phạm kỷ luật Đảng bị sàng lọc, làm trong sạch đội ngũ. Số đảng bộ, chi bộ, tổ đảng, đảng viên đạt yêu cầu "bốn tốt" chiếm tỉ lệ ngày càng cao. Năm 1969, khu vực nông thôn có 1 đảng bộ, 15 chi bộ, 70 tổ đảng và 263 đảng viên (12,58%) đạt bốn tốt. Khu vực cơ quan, công trường, xí nghiệp có 1 đảng bộ, 10 chi bộ, tổ đảng và 444 đảng viên đạt bốn tốt.

Qua đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng Huyện ủy "bốn tốt", xây dựng Đảng bộ "bốn tốt", cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, sự lãnh đạo và phương thức công tác của các cấp ủy Đảng có nhiều tiến bộ, tập trung vào sản xuất nông nghiệp, quản lý kinh tế, đi sát các xã, hợp tác xã, các đội sản xuất. Các ban, ngành được củng cố ngày càng phát huy chức năng. Quan trọng hơn, tinh thần của cuộc vận động "bốn tốt" thấm sâu vào từng đảng viên, chuyển hoá vào từng công việc cụ thể, làm bùng lên khí thế sôi nổi trong các phong trào ở Thanh Liêm.

Theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ, trong định hướng phát triển kinh tế, nông nghiệp luôn được đặt lên hàng

¹ Năm 1971 có 76 vụ, đã xét xong 66 vụ, gồm: 18 đảng ủy, chi ủy viên, 42 đảng viên, khai trừ và đưa ra khỏi Đảng 22 người.

đầu. Năm 1971 là năm có ý nghĩa quan trọng khởi đầu cho kế hoạch 3 năm (1971-1973), huyện tập trung đẩy mạnh phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm. Căn cứ vào tình hình ruộng đất và các điều kiện tự nhiên, toàn huyện được phân chia thành 4 vùng nông nghiệp¹. Việc tiến hành phân vùng nông nghiệp nhằm mục đích để từng hợp tác xã xây dựng phương hướng sản xuất phù hợp với điều kiện tự nhiên, tiểu vùng khí hậu, bình độ, chất đất... Nhiệm vụ chung cho các vùng cùng phần đầu đạt 3 mục tiêu: 5 tấn thóc, 2 con lợn, 1 lao động/1ha gieo trồng.

Do vùng chiêm trũng là vùng khó khăn nhất, nông nghiệp thường chỉ làm được 1 vụ, phải gánh chịu nhiều hậu quả của bão lũ, lại là nơi đông dân cư sinh sống, Huyện uỷ chỉ đạo tiến quân trước tiên vào khu vực này, áp dụng các biện pháp cải tạo chua phèn, tăng độ phì nhiêu cho đất, giải quyết triệt để các vấn đề về thủy lợi. Điểm nổi bật trong việc cải tạo đất là áp dụng biện pháp dùng vôi khử chua với tỉ lệ 6-10kg/sào Bắc bộ, nhờ đó, độ chua giảm hẳn, tác động tích cực đến năng suất lúa. Tiếp tục phát động các chiến dịch "*Tiêng trồng xuất quân, làm phân chống Mỹ*", Huyện giao nhiệm vụ đến từng hợp tác xã phải tổ chức được tổ chế biến phân, có nhiệm vụ làm phân, thu mua và hướng dẫn xã viên cùng làm. Phong trào nuôi thả bèo dâu, trồng điền thanh tại ruộng, bên lề đường phát triển khắp nơi. Điển hình trong phong trào trồng điền thanh, quý làm phân bón là hợp tác xã Lại Xá (Thanh Tuyên). Chi bộ Lại Xá đã giao chỉ tiêu đến từng đảng

¹ Vùng màu mùa 5 xã; vùng ven đày 5 xã; vùng chiêm dàn 5 xã; vùng chiêm trũng 8 xã gồm: Thanh Phong, Thanh Hương, Thanh Nguyên, Thanh Lưu, Thanh Tâm, Liêm Túc, Liêm Sơn, Liêm Thuận.

viên, đoàn viên thanh niên; mỗi người trồng 250-300 mét, mỗi xã viên trồng 75-20 mét dọc theo các bờ ruộng, bờ rào, rìa đường, xung quanh vườn. Trong phong trào làm phân bón, lực lượng đi đầu là đoàn viên thanh niên và phụ nữ. Phụ nữ Liêm Cần tổ chức thành từng nhóm nhận nhân bèo hoa dâu, nhiều chị còn xung phong đi xa hàng chục kilômét để lấy bèo giống về ươm, ngày đêm chăm lo che mát, giữ nước, chống hạn cho bèo, điển hình là hợp tác xã Nhất - Nhi. Nhờ đó, diện tích bèo dâu ở Liêm Cần đạt gần 40 ha, chiếm 1/6 toàn huyện. Các xã Thanh Hương, Thanh Nguyên, Thanh Tuyền... nhiều đoàn viên, thanh niên trở thành "kiện tướng bèo dâu". Diện tích lúa trong toàn huyện được vùi bèo 2 lượt tốt mượt, lên xanh, cho năng suất cao hơn hẳn.

Khắc phục tình trạng thiếu sức kéo khá trầm trọng ở vùng chiêm trũng, các cấp uỷ vận động nhân dân khắc phục khó khăn, ra sức cuốc ruộng. Hàng vạn xã viên ngày đêm ra đồng cuốc đất, xếp ải khăn trương trước khi vào vụ sản xuất. Toàn huyện thành lập được hàng trăm tổ cuốc ruộng, những lúc trăng sáng, các tổ cuốc ruộng làm việc đến khuya để chạy đua với thời vụ. Các hợp tác xã bước đầu cải tiến cách tính công điểm đảm bảo những xã viên trong tổ cuốc ruộng không bị thiệt thòi... Đồng thời, chăn nuôi trong các hợp tác xã được đẩy mạnh, chú trọng vào các gia súc lớn trâu, bò, lợn để lấy sức kéo và tận dụng nguồn phân bón. Nhiều hợp tác xã có phong trào chăn nuôi khá như: Thanh Nguyên, Nam Phong, Thanh Sơn, Trung Lương, Bảo Mỹ, Khoái Quán, điển hình là hợp tác xã Chè Trinh (Thanh Tâm).

Nằm giữa vùng đồng trũng, chăn nuôi ở Chè Trinh khó phát triển, những năm 1961-1962, còn nổi tiếng là hợp tác xã có nhiều trâu bò chết, thiếu sức kéo khiến khâu làm đất luôn chậm so với

thời vụ, ảnh hưởng lớn tới năng suất. Chi bộ hợp tác xã tìm hướng tháo gỡ, cử người sang huyện Bình Lục học kinh nghiệm, phổ biến trong xã viên; đi Thái Nguyên, Hà Bắc mua giống trâu cày và trâu sinh sản, giao cho những gia đình có kinh nghiệm nuôi, đảng viên trong chi bộ cũng nhận nhiệm vụ nuôi trâu bò, số thóc 2% dành vào việc chăn nuôi và thưởng cho những xã viên có thành tích. Hợp tác xã phát động làm thủy lợi đến đâu trồng cỏ ở bờ vùng, bờ nương, bờ máng đến đâu; khi cỏ tốt, chia diện tích cho hộ xã viên nuôi trâu, bò. Liên tục từ năm 1963-1970, trâu bò Chè Trinh không bị chết, hợp tác xã còn có hàng chục nghé bán cho xã bạn... Cách làm của Chè Trinh được nhiều hợp tác xã học tập. Trong toàn huyện, nuôi trâu bò cày kéo kết hợp sinh sản được đẩy mạnh không chỉ ở vùng đồi, mà cả ở vùng chiêm trũng như hợp tác xã Chè Làng, Đồng Phú. Số bê, nghé tăng đều đã bổ sung thêm sức kéo, tăng thêm thu nhập cho mỗi gia đình, tăng nguồn phân bón cải tạo đất.

Công tác phòng trừ sâu bệnh được chú trọng ở hầu khắp các hợp tác xã. Mỗi hợp tác xã đều thành lập một Ban chỉ đạo phòng trừ sâu bệnh. Lực lượng nòng cốt là thanh niên, phụ nữ, có cán bộ kỹ thuật hỗ trợ. Khi có chiến dịch bắt sâu, bẫy bướm, trừ chuột v.v.. học sinh được nhà trường bố trí thời gian tham gia. Vào lúc lúa làm đồng, Ban chỉ đạo đi kiểm tra đồng ruộng định kỳ ba ngày một lần, kết hợp phân công kiểm tra đột xuất. Tiêu biểu như Hợp tác xã Thanh Nguyên đã thành lập Ban chỉ đạo, cử Bí thư Đoàn thanh niên làm Phó ban. Ở tất cả 12 đội sản xuất trong hợp tác xã, đoàn viên thanh niên đều tham gia nhận ruộng, cắm thẻ, ghi tên đảm nhiệm diệt trừ sâu bệnh trên ruộng đó. Các đội sản xuất chuẩn bị bình bơm, thuốc trừ sâu, hàng ngày phân

công nhau ra đồng thăm lúa kịp thời phát hiện sâu bệnh. Nhiều đoàn viên còn tranh thủ buổi trưa, buổi tối kiểm tra đồng ruộng như thôn Kim Lũ, Phú Gia. Phòng trừ sâu bệnh tốt góp phần đưa năng suất của Thanh Nguyên tiếp tục đứng đầu huyện trong các vụ sản xuất 1971, 1972.

Huyện ủy, Ủy ban Hành chính huyện quán triệt đến các cơ sở tập trung khoanh ruộng theo từng vùng cao hoặc trũng, tập trung coi bờ vùng, đảm bảo "nhất cao, nhì kín, thứ ba vững vàng" để chống nước từ ngoài tràn vào, từ trên cao đổ xuống vùng trũng. Huyện coi đây là *biện pháp xương sống* ở vùng trũng. Ngoài ra, các hợp tác xã còn chú ý sắm đủ số gầu tát nước cho từng xã viên, trang bị máy bơm, dầu mỡ, đồng thời tiếp tục làm kè cống, đắp đê... Phát huy tinh thần thi đua với Liêm Trực (lá cờ đầu của huyện về công tác thủy lợi), các xã vùng chiêm trũng tập trung làm tiểu thủy nông: khoanh vùng nhỏ, gia cố coi cao bờ vùng, đắp chắc vùng mạ, hoàn thành xây đúc hệ thống cống đóng mở, chủ động tưới tiêu. Đội thủy lợi chuyên môn được củng cố và xây dựng ở 99% hợp tác xã, 61% hợp tác xã có tổ thủy nông. Khối lượng đào đắp bình quân đầu người năm 1969 đạt 18m^3 , tám tháng đầu năm 1970 đạt $9,42\text{m}^3$. Từ năm 1969 đến năm 1972, toàn huyện đào đắp $1.897.200\text{m}^3$ đất, khai thác 8.750m^3 đá đưa vào xây kè cống, đúc 1.970 khối bê tông, huy động 1.789.360 công lao động.

Công tác đắp đê, bảo vệ đê được quan tâm đầy mạnh hơn. Các hợp tác xã chủ động trong kế hoạch sản xuất, tự tổ chức thêm lực lượng thủy lợi trên địa bàn, phục vụ tưới tiêu nội đồng và gia cố, tu bổ các đoạn đê chạy qua. Trong năm 1971, lực lượng thủy lợi đào đắp hàng chục vạn mét khối, tăng sức chống chịu cho đê trong mùa bão lũ.

Các công việc đang được tiến hành khẩn trương để đảm bảo vụ mùa thắng lợi thì thiên tai bất ngờ xảy ra. Ảnh hưởng của 3 cơn bão liên tiếp và mưa lớn kéo dài khiến vùng ven sông Đáy bị lũ đe dọa nghiêm trọng. Trong tháng 8-1971, mực nước dâng cao chưa từng có trong vòng 40 năm. Nguy cơ vỡ đê Đầm ở sông Châu khiến 7 xã của huyện và 11 xã của huyện Bình Lục có thể ngập chìm trong nước. Trong tình thế hết sức khẩn trương, Ban Thường vụ Huyện ủy họp phiên đặc biệt để bàn và triển khai các phương án, biện pháp để đảm bảo an toàn cho nhân dân. Tất cả các cấp, các ngành đều tập trung vào phòng chống bão lũ. Thường vụ Huyện ủy đã chia thành nhiều mũi công tác xuống các địa bàn xung yếu, Ban chỉ huy phòng chống lụt phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đội, chuẩn bị gầu guồng, mai, cuốc, cùng các lực lượng xung kích là dân quân tự vệ, lực lượng quân dự bị động viên, các cơ quan đoàn thể ngày đêm túc trực để bảo vệ đê. Việc sơ tán nhân dân, trâu bò và tài sản của dân được thực hiện khẩn trương. Huyện huy động đến mức cao nhất các phương tiện như xe kéo, thuyền bè của các hợp tác xã trong huyện, kêu gọi sự trợ giúp của tỉnh và các huyện lân cận để di chuyển dân lên vùng đồi cao, đặc biệt ưu tiên người già, trẻ em, gia đình chính sách...

Với quyết tâm vượt lên bão lũ, những chiếc bè bằng chuối, bằng tre nứa được nhân dân chuẩn bị sẵn sàng để chở tài sản, lợn, gà, trâu bò đi sơ tán. Cơn lũ tràn về làm sạt lở nhiều đoạn đê, dòng nước hung dữ như muốn cuốn đi tất cả, nhưng chưa bao giờ, ý chí khuất phục tự nhiên lại trởi dậy mạnh như thế. Hàng chục nghìn người đã xông lên đê chống lũ, hàng ngàn cây tre, hàng ngàn viên gạch được huy động để chặn dòng nước dữ... Đội

thanh niên xung phong phần lớn là học sinh cấp 3 và công nhân, cả cụ già 60-70 tuổi cũng góp sức bảo vệ đê... Có những lúc dòng nước lũ dữ dằn đập thẳng vào thân đê, đê bị nứt, nhiều đoạn sạt lở lớn nhưng ngay lập tức, hàng trăm người lại lao vào cứu đê như cứu tính mạng của mình. Mọi người khẩn trương dàn trận kè cọc, đưa hàng nghìn bao tải đất, các dè cốt lớn đặt rom rạ, đất đá đưa vào lấp sùi, giữ bùn, gia cố thêm sức chống chịu của thân đê. Các thuyền chở cát cũng được lật úp xuống các chỗ bị sạt lở rồi gia cố thêm đất đá, rom rạ. Các đội kỹ thuật tiến hành xử lý các mạch sùi, thấm lậu... Bệnh viện huyện lập tức cử tổ y tế xung kích hành quân trong gió bão lên mặt đê kịp thời cứu chữa những trường hợp đuối sức, cảm ngất, say sóng, hỗ trợ chiến đấu... Đối mặt với khó khăn, với thách thức của thiên nhiên mới thấy hết được tình đoàn kết, sự gắn bó máu thịt của người dân Thanh Liêm và tình đoàn kết ấy đã chuyển hoá thành sức mạnh để ngăn dòng nước lũ.

Trong tình thế nguy cấp, Thanh Liêm đành phải thực hiện phương án xả lũ. Các xã nằm trong vùng ven sông Đáy như Thanh Lâm, Thanh Thủy, Thanh Tân, Thanh Nghị, Thanh Hải chấp nhận chịu xả lũ để cứu nguy cho đồng ruộng của các xã lân cận. Nhìn những cánh đồng lúa ngập chìm trong biển nước, nhìn lại những nhọc nhằn chăm bón, người dân đã nén lòng chịu mất đi nguồn thu hoạch của mình vì lợi ích chung. Những ngày chống chọi với bão lũ là những ngày đấu trí căng thẳng để giành giật sự sống giữa con người với sự khốc liệt của thiên nhiên. Con đê từng oằn mình trong bom đạn kẻ thù, nay lại chịu những va đập hung hãn của dòng nước xiết. Tường đã mất đi tất cả, nhưng cuối cùng dòng nước lũ cũng phải đầu hàng trước sự thông minh, kiên cường và lòng quả cảm của người dân Thanh Liêm.

Sau khi nước rút, toàn huyện lại bước vào một cuộc chiến đấu mới. Cuộc sống sau bão lũ gặp rất nhiều khó khăn do những thiệt hại về tài sản, hoa màu, công trình, nhà cửa bị hư hại, dịch bệnh phát sinh... Lực lượng thanh niên, dân quân tự vệ tiếp tục lao động sửa chữa những đoạn đê bị sạt lở; hàng nghìn người dân ra đồng làm việc với quyết tâm "nghiêng đồng đổ nước ra sông" để cứu lúa úng ngập. Các gia đình bị tai nạn được thăm hỏi, động viên cả về vật chất và tinh thần; ngành Y tế tập trung lực lượng phòng chống dịch, các trạm xá tăng cường thêm thuốc để phục vụ nhân dân...

Nhờ có kế hoạch cụ thể và kịp thời với tinh thần làm việc hăng say, đoàn kết, phấn đấu chung sức, chung lòng của cán bộ và nhân dân Thanh Liêm nên đã hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại do thiên tai gây ra. Vụ mùa năm 1971, vùng ven Đáy do gặp lũ lụt nên bị mất trắng 1.993 mẫu, tuy vậy năng suất cả năm toàn huyện vẫn đạt bình quân 43,6 tạ/ha, tổng sản lượng đạt 114,2% kế hoạch...

Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, nhân dân khu vực đồng chiêm trũng đã tiến công toàn diện trên nhiều mặt trận, biến "chiêm khê mùa thối" thành vụ mùa chắc thắng, tiến tới tăng thêm vụ đông. Thắng lợi đó là động lực để nhân dân vùng chiêm trũng tiếp tục kiên trì cải tạo đất đai, thủy lợi, đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất... Trên cơ sở đó, huyện lãnh đạo triển khai nhiệm vụ từng bước tấn công khai thác vùng nửa rừng núi.

Khu vực rừng núi của huyện có diện tích là 762,5 ha thung lũng, sườn đồi pha đất, với 109.500 mẫu núi đất có khả năng trồng cây lương thực như: sắn, dong đao, vừng, lạc, chè, trầu, bạch đàn, thông... Khu vực này vẫn được các hộ nông dân gieo

trồng tản mạn và một vài hợp tác xã khai thác đá, nung vôi. Từ năm 1969, khu vực rừng núi được đưa vào tập thể hóa với mục đích tập trung khai thác đá, nung vôi, trồng cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, lấy gỗ như: trâu, mơi, chè, buong, tre... chăn nuôi dê, trâu, bò. Huyện chỉ đạo các hợp tác xã tiếp tục cải tiến quản lý, đẩy mạnh sản xuất, các hợp tác xã khai thác đá, nung vôi phục vụ cho nông nghiệp, cải tạo đất góp phần vào thâm canh cây lúa. Một số hợp tác xã chăn thả dê đàn, chăn nuôi trâu, bò mang lại thu nhập cho tập thể. Tại hợp tác xã Bồng Lạng, phát huy vai trò là hợp tác xã đầu tiên của vùng đồi nương, Ban chỉ uỷ hợp tác xã quyết tâm đẩy mạnh sản xuất, chủ yếu là cây chè. Chăm sóc chè được coi là khâu quan trọng bởi khác với lúa, chè cần được làm cỏ và chăm bón quanh năm, ngoài đội chuyên canh còn cần xã viên đảm nhiệm. Phó chủ nhiệm hợp tác xã và một đồng chí trong chi uỷ nhận nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo chăm bón và mở rộng diện tích chè. Các xã viên nhận 1-3 sào, đảng viên nhận 3-4 sào để chăm bón, công điểm làm cỏ chè được tính cao hơn công khác. Nhờ tích cực làm cỏ kết hợp với bón phân, tình trạng hàng chục mẫu chè bị chết vào mùa hanh khô những năm trước đã chấm dứt. Những nương chè ở thung lũng Châm Bùng, Cầu Gạch, Đông Đình, Lán... vốn đất xấu, bị chết khô nay được chăm sóc đã tốt xanh trở lại, sản lượng cao hơn hẳn so với trước.

Từ thực tế hợp tác xã Bồng Lạng cho thấy: chủ trương tập thể hoá và đẩy mạnh khai thác vùng đồi nương là đúng đắn, đón bắt được xu hướng phát triển. Song ở thời điểm hiện tại, để chủ trương thành hiện thực vẫn còn nhiều rào cản chưa được tháo gỡ. Như thiếu cơ chế riêng, đặc thù cho vùng, hạ tầng cơ sở còn yếu kém, cán bộ thiếu kinh nghiệm quản lý, tâm lý trì trệ, bảo thủ vẫn

bám rễ trong nhân dân... Do đó, việc khai thác và sản xuất vẫn mang tính quảng canh, giống vốn hạn hẹp, chưa đủ sức đầu tư thâm canh và bảo vệ sản xuất. Dù chưa thể mang lại ngay sự đột phá và hiệu quả kinh tế cao nhưng điều quan trọng là đã mở ra một hướng phát triển kinh tế cho huyện, để trong những nhiệm kỳ tới, xác định đây là khu vực còn nhiều tiềm lực. Huyện chú trọng đầu tư phát triển nông nghiệp; tiếp tục công hữu đôi nương, giao đất cho các hợp tác xã, đội sản xuất; nâng cao tinh thần, ý thức làm chủ của xã viên, tạo nên bước nhảy vọt trong sản xuất.

Nhìn chung trong nông nghiệp, những nhiệm vụ đề ra theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ lần thứ XIV và XV được nhân dân tích cực thực hiện. Cả trồng trọt và chăn nuôi đều chuyển biến tốt. Nhờ thâm canh, chuyển đổi dần cơ cấu giống lúa nên nhiều hợp tác xã đạt 5 tấn thóc/ha như: 3 hợp tác xã của Thanh Hà, hợp tác xã Nhất Nhì (Liêm Càn), Lại Xá (Thanh Tuyên). Vùng chiêm trũng có 2 hợp tác xã đạt 5 tấn là Thanh Sơn (Liêm Thuận) và Khoái Quán (Liêm Minh). Tổng sản lượng lúa bình quân hai năm 1969-1970 tăng 704 tấn so với năm 1967. Năm 1969, cơ cấu giống mới là 10%, đến năm 1970 tăng lên 45,3%. Năng suất bình quân vụ chiêm toàn huyện đạt 21,11 tạ/ha, tăng 8% so với kế hoạch, riêng lúa xuân đạt 25,52 tạ/ha. Chiến dịch tiến quân vào đồng chiêm trũng đem lại kết quả tích cực. Những hợp tác xã đạt năng suất cao nhất huyện đều ở những vùng trũng nhất như: Lại Xá đạt 46,8 tạ/ha, Thanh Sơn đạt 32 tạ/ha, 20 hợp tác xã đạt từ 21 đến 28 tạ/ha. Nhờ vậy, vụ chiêm năm 1969, tổng sản lượng lúa toàn huyện vượt 10,5% (bằng 1.518 tấn) so với kế hoạch. Thực hiện nghĩa vụ lương thực, thực phẩm với Nhà nước luôn đạt và vượt chỉ tiêu: Liên tục trong ba

năm (1969, 1970, 1971), toàn huyện đã đóng góp 17.234 tấn thóc, 1.284,384 tấn lợn hơi, 90 tấn gà vịt, 1.245.143 quả trứng, 148.592 tấn đỗ tương, 193,031 tấn lạc củ, 14,866 tấn vùng hạt. Đời sống của nhân dân được cải thiện đáng kể, bình quân lương thực đạt từ 15 đến 16,5kg thóc/người/tháng; riêng các hợp tác xã đạt 5 tấn thóc/ha, bình quân lương thực đạt từ 20 đến 25kg/người/tháng.

Mặc dù đế quốc Mỹ tuyên bố ngừng ném bom ở miền Bắc, nhưng chúng vẫn tăng cường hoạt động chiến tranh tâm lý, hoạt động gián điệp. Lợi dụng những khó khăn tạm thời của ta để kích động nhân dân, xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng. Chúng thường xuyên cho máy bay do thám, thả tờ rơi, hàng tâm lý chiến để gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Với tinh thần cảnh giác cao độ, Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện kịp thời chỉ đạo trấn áp bọn đầu sỏ phản động trên địa bàn. Một bộ phận trong số phần tử phản động đã nhận ra sai lầm và quay trở về lao động sản xuất. Phong trào xây dựng "*Xã vững mạnh*", "*Đơn vị an toàn*" ở cơ quan, xí nghiệp được mở rộng. Huyện ủy đã tăng cường giáo dục để nâng cao ý thức cảnh giác, đập tan mọi luận điệu, thủ đoạn chiến tranh tâm lý, gián điệp, biệt kích của địch. Song, tình hình trật tự trị an một số nơi khá phức tạp, nạn trộm cắp thường xảy ra, hiện tượng tiêu cực, công tác đấu tranh chính trị có nơi chưa kịp thời, sắc bén...

Đề cứu vãn chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" đang có nguy cơ bị phá sản và giành lợi thế trên bàn đàm phán Hội nghị Pari, giữa năm 1972, Mỹ điên cuồng tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai với quy mô, cường độ và mức độ ác liệt nhiều so với trước. Với tinh thần chủ động, Đảng bộ Thanh Liêm chỉ đạo các đơn vị vận dụng kinh nghiệm trong

chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, phát động các lực lượng vũ trang địa phương cùng lực lượng chính quy, động viên các ngành và toàn dân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu. Bước vào cuộc chiến tranh lần này, lực lượng dân quân tự vệ của huyện có sự chuẩn bị tốt cả về tư tưởng, lực lượng và kỹ thuật chiến đấu. Đó là kết quả của việc đẩy mạnh cuộc vận động "bốn tốt" trong lực lượng vũ trang. Cuộc vận động đã đạt kết quả ngay từ bước đầu, tinh thần "sản xuất giỏi, rèn luyện hay, sẵn sàng chiến đấu tốt" bùng lên sôi nổi. Cán bộ quân sự đều tự giác rèn luyện, cải tiến tác phong, chiến sĩ nhiệt tình, hăng hái rèn luyện. Hàng năm, lực lượng dân quân các xã đều được huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật, thực hiện "vai đeo trăm cân, chân đi nghìn dặm". Qua kiểm tra, các môn xạ kích, lựu đạn, chống mìn... anh chị em trong huyện đều đạt loại giỏi. Phong trào thi đua "Quyết thắng" phát triển mạnh, có 9 xã và 30 trung đội dân quân tự vệ đạt danh hiệu "Quyết thắng".

Trong công tác quân sự địa phương, chính sách hậu phương quân đội luôn được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo. Huyện long trọng tổ chức Đại hội đại biểu gia đình thương binh liệt sỹ, quân nhân chống Mỹ. Những đại diện tiêu biểu cho các gia đình có công với đất nước đã về dự Đại hội¹. Đại hội ghi nhận và biểu

¹ Cụ Ton (xã Thanh Bình) có 6 con vào bộ đội: 2 người đã hi sinh, 2 người là thương binh. Cụ động viên cả cháu đích tôn lên đường nối chí cha; cụ Hoạt (Liên Phong), cụ Khuynh (Liên Càn), cụ Ba (Thanh Châu), cụ Cốc (Thanh Hương), cụ Luân (Thanh Hà) là những người có nhiều con cháu xung phong lên đường chiến đấu. Những người bố, người mẹ là giáo dân cũng động viên con em mình lên đường làm nhiệm vụ: cụ Trục (Thanh Lâm), ông Chấn (Thanh Hương); chị Trần Thị Bướm (Thanh Phong) chồng là liệt sỹ trong kháng chiến chống Pháp, để lại người con duy nhất nhưng chị hai lần dẫn con lên xã xin cho con lên đường chiến đấu...

đương thành tích cống hiến của các gia đình với Tổ quốc, phát huy truyền thống tốt đẹp của nhân dân Thanh Liêm trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Đảng bộ và nhân dân Thanh Liêm luôn giữ vững và phát huy thành tích về công tác tuyển quân chi viện, 7 năm liền (1965-1972) là lá cờ đầu của tỉnh¹. Năm 1972, Thanh Liêm vinh dự được Chính phủ tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất về thành tích tuyển quân chi viện cho chiến trường, 11 đơn vị cơ sở được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến. Năm 1972, 150 thanh niên xung phong huyện Thanh Liêm lên đường sang nước bạn Lào mở đường phục vụ chiến dịch giải phóng miền Nam. Ngoài ra, năm 1967, Đảng bộ và nhân dân Thanh Liêm còn thực hiện chủ trương của Trung ương, của Tỉnh uỷ về Kế hoạch "K8" đón nhận đùm bọc, giúp đỡ trên 1.000 con em Vĩnh Linh ra sơ tán trên địa bàn. Trong điều kiện còn nhiều khó khăn thiếu thốn, Đảng bộ đã động viên nhân dân toàn huyện cùng góp công sức, đón nhận các cháu về ăn, ở cùng nhân dân, tạo những điều kiện tốt nhất có thể, cả về nơi ăn chốn ở, điều kiện học hành, chia sẻ tình cảm, bảo đảm an ninh để các em sinh hoạt và học tập tốt.

Từ ngày 14-5-1972 đến 25-9-1972, trên địa bàn Thanh Liêm, đế quốc Mỹ tiến hành đánh phá 25 trận, 11 trận vào ban đêm, đánh 36 điểm, nhiều điểm bị đánh nhiều lần (như xã Thanh Châu, cầu Đoan Vỹ, Độ Xá...). Mục tiêu đánh phá chủ yếu vào hệ thống giao thông cầu phà, khu dân cư, kho tàng bến bãi; thả thủy lôi trên sông Đáy ngăn chặn giao thông đường thủy.

¹ Theo *Báo Nam Hà số 1072*, ngày 11-4-1972.

Để ứng phó với cuộc chiến tranh, Đảng bộ và nhân dân Thanh Liêm đã chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến. Công tác sơ tán, tổ chức xây dựng hệ thống hầm hào phòng tránh, thông tin báo động, cấp cứu được thực hiện tốt. Hàng nghìn người già và trẻ em không trực tiếp sản xuất, chiến đấu được đưa đi sơ tán trước. Các cơ quan, xí nghiệp, kho tàng di chuyển ra khỏi các mục tiêu đánh phá của địch. Huyện ủy chỉ đạo kịp thời việc tổ chức lại sản xuất trong điều kiện chiến tranh, duy trì sản xuất và sinh hoạt của quần chúng, hạn chế thiệt hại về người và của. Toàn huyện trở thành một trận tuyến vững chắc, sẵn sàng đáp trả hành động của địch.

Có sự hỗ trợ của lực lượng phòng không cấp trên, quân dân Thanh Liêm vào trận với khí thế ngoan cường, địch đến bất cứ lúc nào cũng bị đánh trả quyết liệt. Cuộc chiến đấu ác liệt nhất vẫn diễn ra ở 3 trọng điểm: Phủ Lý, La Mát, Đọan Vỹ. Dân quân ở các trọng điểm này vừa độc lập tác chiến, vừa hiệp lực với chủ lực giăng lưới lửa tầm thấp, tầm cao để vây ráp kẻ thù. Huyện kịp thời chỉ đạo bổ sung quân lực cho những nơi yêu cầu tăng viện như: thị xã Hà Nam, Đọan Vỹ, Đọ Xá, Tân... Ban chỉ huy quân sự huyện huy động dân quân Thanh Thủy, Thanh Lâm, Thanh Tuyền, đội tự vệ vôi Thổng Nhất, mỏ đá Tổng cục đường sắt, một bộ phận trường Quân chính Tỉnh đội Nam Hà (đóng ở xã Thanh Thủy) cùng tham gia bắt giặc lái.

Tất cả cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng luôn sẵn sàng nhận mệnh lệnh dưới sự điều hành của các cấp ủy Đảng. Người không trực tiếp chiến đấu thì làm nhiệm vụ tải đạn, cứu thương, cứu hàng hóa. Dân quân tay cày, tay súng, khi có lệnh

báo động lập tức rời vị trí sản xuất, vào vị trí tác chiến, điển hình là lực lượng dân quân du kích xã Thanh Hải. Với truyền thống đánh địch và thắng địch trên mọi mặt trận, khi đế quốc Mỹ đánh phá, toàn xã đã sẵn sàng các phương án chiến đấu. Ban chỉ huy quân sự xã phổ biến các quy định và thực tập chiến đấu cho dân quân du kích. Các đội cứu thương, chữa cháy, đội bạch đầu quân... được củng cố, chuẩn bị phương án sơ tán dân khi cần thiết, quân sự hoá đã trở thành nếp sống hàng ngày của nhân dân Thanh Hải. Đồng thời, trong cả ba đợt tuyển quân năm 1972, Thanh Hải thực hiện vượt mức yêu cầu của huyện. Các đảng viên trong cấp uỷ luôn gương mẫu thực hiện phương châm "*xuất của nhà ra trước*", nhiều đồng chí có hai, ba con đi bộ đội. Riêng trong năm 1972, số đảng viên của xã cho con lên đường đánh Mỹ nhiều gấp tám lần năm 1971¹.

Chiến tranh phá hoại lần thứ 2 ở Thanh Liêm tuy diễn ra thời gian ngắn nhưng cường độ và mật độ đánh phá dày đặc hơn nhiều so với lần thứ nhất; sự tàn phá khốc liệt hơn, lượng bom đạn và sự hiện đại, tối tân của vũ khí cũng cao hơn².

Kết thúc thắng lợi cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ 2 của Mỹ, Huyện uỷ chỉ đạo các cấp, ngành mau chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định đời sống và sản xuất, tiếp

¹ Theo *Báo Nam Hà số 1172*, ngày 2-12-1972.

² Trong cuộc chiến tàn khốc vào Thanh Liêm, đế quốc Mỹ đã giết hại 42 người (trong đó có 10 trẻ em, 17 cán bộ, công nhân, làm bị thương 208 người); phá hủy 488 gian nhà ngói, 641 nhà tranh, giết 5 trâu bò, thiệt hại 573 tấn thóc, 2 máy đóng gạch, 1 máy phát điện, 1 máy trộn bê tông bị phá hủy; nhiều đoạn đường bị hủy diệt, kho xăng dầu (phố Động) bị cháy...

tục dồn sức chi viện cho chiến trường. Công tác tư tưởng được thực hiện tốt nên trong cuộc chiến tranh phá hoại lần hai của địch, Đảng bộ và nhân dân Thanh Liêm chủ động đối phó, đánh và thắng địch cả trên chiến trường, trên mặt trận sản xuất.

Với phương châm "*địch đánh ta sửa ta đi*", hàng triệu ngày công đã được huy động vào việc chuẩn bị phương tiện, khắc phục hậu quả chiến tranh. Nhiều xã xây dựng được hệ thống công binh dân quân, tổ chức các đơn vị thanh niên xung phong chốt trụ các khu vực trọng điểm để vừa đánh địch vừa đảm bảo giao thông, tháo gỡ bom mìn, giải phóng phương tiện. Nhân dân tích cực tham gia làm cầu phao qua sông Châu để tránh điểm nóng Phú Lý; cầu phao, cầu ngầm qua sông Đáy sang Ninh Bình góp phần thông xe ra tiền tuyến. Kết hợp giữa thủy lợi với giao thông, tiến hành tu sửa, đắp mới, rải đá, cải thiện mặt đường nông thôn, nhất là đường vận chuyển từ trong làng, sân phơi nhà kho ra đồng. Hợp tác xã thuyền buồm, xe bò kéo tăng thêm phương tiện chuyên chở phục vụ chiến đấu và sản xuất.

Trong không khí sôi nổi, khẩn trương của các hoạt động sản xuất, chuẩn bị chiến đấu và chiến đấu, các hoạt động văn hóa - xã hội có những chuyển biến đáng kể, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Huyện ủy chỉ đạo đẩy mạnh cuộc cách mạng tư tưởng văn hóa nhằm phục vụ thiết thực và thúc đẩy cuộc cách mạng quan hệ sản xuất và cách mạng khoa học - kỹ thuật phát triển. Các hoạt động văn hóa hướng mạnh xuống cơ sở, sát đối tượng, với nhiều phương pháp, hình thức phong phú, sinh động, nội dung và hình thức thiết thực; đã ngăn chặn những biểu hiện, tư tưởng, hành động tiêu cực, góp phần đập tan chiến tranh

tâm lý của địch. Huyện ủy tổ chức đẩy mạnh phong trào văn hóa mới "bốn đẹp"; cô vũ, động viên những gương người tốt, việc tốt. Qua thực hiện phong trào, quần chúng phấn khởi, lạc quan, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng; tinh thần tự lực, tự cường, ý thức làm chủ tập thể và khí thế cách mạng tiến công được nâng cao.

Bị chiến tranh phá hoại, trường lớp phải sơ tán, điều kiện dạy và học khó khăn, ngành Giáo dục vẫn tập trung nâng cao chất lượng và phát triển mạnh mẽ, cân đối các ngành học, cấp học, cả bổ túc văn hóa, mẫu giáo và phổ thông. Việc chăm lo và đào tạo bồi dưỡng đội ngũ giáo viên làm trọng tâm để nâng cao chất lượng đã được chú ý. Phong trào thi đua "Tiên tiến", "Hai tốt", học tập gương điển hình tiên tiến Bắc Lý được đẩy mạnh. Số học sinh tăng đều qua các năm, chất lượng học tập được nâng lên. Công tác đoàn, đội trong nhà trường có nhiều tiến bộ...

Qua 4 năm phấn đấu thực hiện Nghị quyết của các kỳ Đại hội Đảng bộ huyện, với tinh thần "*quyết chiến, quyết thắng*", vượt qua mọi khó khăn, thử thách, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân Thanh Liêm đã nêu cao tinh thần đoàn kết, giành thắng lợi to lớn trên nhiều lĩnh vực. Đảng bộ lãnh đạo nhân dân ra sức phấn đấu khắc phục hậu quả chiến tranh và thiên tai, khôi phục phát triển kinh tế - xã hội, chi viện cho cách mạng miền Nam. Nhiều điển hình tốt, nhiều nhân tố mới xuất hiện. Những thắng lợi đó có ý nghĩa hết sức quan trọng, là bước chuẩn bị vững chắc để Đảng bộ và nhân dân Thanh Liêm bước vào thời kỳ mới gian khổ, ác liệt nhưng cũng rất vẻ vang.

III. KHÔI PHỤC VÀ ĐÁY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA - XÃ HỘI; CHI VIỆN TỐI ĐA CHO CHIẾN TRƯỜNG, GÓP PHẦN VÀO SỰ NGHIỆP GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM, THỐNG NHẤT TỔ QUỐC (1973-1975)

Ngày 27-1-1973, Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình, công nhận chủ quyền, độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam được chính thức ký kết. Nhưng với bản chất hiếu chiến, ở miền Nam, đế quốc Mỹ vẫn sử dụng nguy quân, nguy quyền ra sức phá hoại hiệp định Pari, duy trì chế độ thực dân kiểu mới. Ngày 28-1-1973, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam ra lời kêu gọi đồng bào ở hai miền Nam, Bắc tiếp tục đấu tranh hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ trong cả nước.

Tháng 11-1973, Đại hội đại biểu huyện Thanh Liêm lần thứ XVI được tổ chức tại trường Đảng huyện. Đại hội xác định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu trong những năm tiếp theo: phát huy truyền thống chiến đấu, tinh thần tự lực cánh sinh, động viên toàn Đảng bộ và nhân dân địa phương tập trung sức cải tạo đồng ruộng, hoàn thiện quan hệ sản xuất, phát triển nền kinh tế mạnh mẽ, vững chắc, tạo được bước chuyển biến quan trọng, đưa nền nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn... Xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố các đoàn thể quần chúng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, trên cơ sở đó phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chi viện, tích lũy và cải thiện đời sống.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XVI gồm 25 ủy viên. Đồng chí Hoàng Diễm tiếp tục được bầu làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Đỗ Quốc Long được bầu giữ chức vụ Phó Bí

thư Thường trực, đồng chí Đào Hữu Quy tiếp tục được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban hành chính.

Điều kiện hòa bình mà Hiệp định Pa-ri mang lại là một thuận lợi lớn để nhân dân miền Bắc nói chung và Thanh Liêm nói riêng tận dụng khôi phục và phát triển sản xuất. Nhưng qua các đợt chiến tranh phá hoại của Mỹ, nền kinh tế và cơ sở hạ tầng của huyện bị tàn phá nặng nề. Trong khi đó, kinh tế nông nghiệp vẫn cơ bản là nền sản xuất nhỏ, sự mất cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi vẫn đang tồn tại là một trở ngại trên con đường đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Nhận thức rõ được vấn đề, được tiếp sức bởi chủ trương đúng đắn dẫn từ Nghị quyết số 19 của Trung ương đưa chăn nuôi lên ngành sản xuất chính, Đảng bộ huyện đã có sự điều chỉnh trong đường lối phát triển nông nghiệp, đưa ra nhiều biện pháp đẩy mạnh chăn nuôi. Hướng tập trung căn bản là phát triển đàn lợn, trâu, bò tập thể và hộ gia đình.

Để khuyến khích các hộ gia đình chăn nuôi lợn, các hợp tác xã có chế độ thưởng công điểm cho xã viên nuôi lợn tốt, hỗ trợ về giống, thức ăn chăn nuôi cho những hộ khó khăn. Nhờ đó, hầu hết các hộ xã viên đều nuôi lợn, mỗi hộ nuôi 2 con, nhiều hộ nuôi từ 3 con trở lên, một số hợp tác xã đạt mỗi khẩu 1 con. Nhiều hộ gia đình có thu nhập cao do chăn nuôi lợn đem lại.

Đối với khu vực tập thể, huyện áp dụng hàng loạt biện pháp như mở rộng hệ thống chuồng trại, củng cố đội chuyên trách chăn nuôi, chuyển mạnh số lao động trong các hợp tác xã sang làm chăn nuôi, vận dụng tốt chế độ, chính sách khuyến khích chăn nuôi, thu mua thực phẩm. Bên cạnh phát triển đàn lợn nái, các giống lợn dễ nuôi, ít dịch bệnh, tăng cân nhanh được chú ý đưa vào thử nghiệm, theo dõi kết quả và nhân rộng. Điển hình là

việc đưa lợn lai kinh tế vào nuôi thử nghiệm thành công tại hợp tác xã Thanh Nguyên. Là địa phương vốn có truyền thống sản xuất giỏi, thâm canh tốt, năng suất lúa thường dẫn đầu huyện nhưng chăn nuôi của hợp tác xã Thanh Nguyên chưa có bước tiến tương xứng. Trước đây, trại lợn của hợp tác xã đặt ở Kim Lũ, nuôi giống lợn nội, nhiều năm bị lỗ hàng nghìn đồng vì lợn chết do dịch. Chi bộ chăn nuôi hợp tác xã trăn trở tìm biện pháp và đi đến quyết định chuyển trại lợn đến khu vực mới thoáng rộng hơn, dành hai ô chuồng nuôi lợn nội và lợn lai kinh tế, kết quả lợn lai lớn nhanh hơn, béo khỏe hơn. Thực tế đó đã thuyết phục được xã viên, đến cuối năm 1973, toàn trại đều nuôi lợn lai kinh tế. Đồng thời, thực hiện cải tiến công tác quản lý, các đảng viên có kinh nghiệm được chi bộ phân công phụ trách các khâu quản lý, làm lại hệ thống sổ sách rõ ràng, khoa học; củng cố lại các tổ chuyên môn như tổ chế biến thức ăn, tổ chăm sóc lợn; áp dụng nhiều phương pháp mới như cho lợn choai ăn sống, ủ men VN17 vào thức ăn... Nhờ vậy, đàn lợn lai kinh tế của hợp tác xã phát triển nhanh, chất lượng thịt tốt.

Thành công ở trại lợn Thanh Nguyên mở đầu cho phong trào nuôi lợn lai kinh tế phát triển mạnh trong huyện. Nhiều xã đã thay toàn bộ giống cũ bằng giống lợn lai kinh tế ở cả khu vực chăn nuôi tập thể và các gia đình xã viên. Tổng đàn lợn toàn huyện phát triển nhanh chóng, quy mô chăn nuôi ở các hợp tác xã được mở rộng, bình quân mỗi trại nuôi từ 200 con trở lên, hợp tác xã quy mô lớn nuôi từ 300-400 con... Năm 1973, tổng đàn lợn đạt 29.756 con, tăng 14,3% so với năm 1971, vượt kế hoạch 9% (năm 1971 đạt 26.024 con, năm 1972 đạt 25.497 con), trọng lượng xuất chuồng bình quân đạt 40kg/con.

Chăn nuôi trâu, bò cày kéo và sinh sản được các hợp tác xã đẩy mạnh. Tuy nhiên, vấn đề được các hợp tác xã chú trọng là cho trâu, bò ăn đủ no, ở ấm nhưng cũng chưa nhiều nơi thực hiện được; do việc giao khoán nuôi trâu bò cho xã viên xảy ra nhiều bất cập; mức khoán, công điểm chưa được định rõ ràng nên việc chăm sóc trâu bò chưa tốt, chuồng trại nhiều nơi còn đồ nát, trâu ăn chưa đủ no, nhiều xã viên lấy rơm cho trâu ăn để làm chất đốt... Thiếu sức kéo là vấn đề phổ biến ở hầu hết các hợp tác xã, nhiều hợp tác xã phải điều nhân lực ở các khâu khác sang cuộc ruộng, ảnh hưởng lớn đến sản xuất. Rút ra bài học sâu sắc, Huyện uỷ chỉ đạo các xã, hợp tác xã phải đặt lại vấn đề trước chi bộ, đại hội xã viên để tìm ra biện pháp khắc phục phù hợp với thực tế sản xuất chăn nuôi từng vùng dựa trên phương châm được quán triệt chung là chuyển từ nuôi trâu phân tán sang nuôi tập trung và đồng thời cải tiến mạnh các chế độ chăm sóc trâu, bò. Nhờ vậy, chăn nuôi trâu, bò đã có bước chuyển biến khá mạnh mẽ, đặc biệt ở khu vực tập thể. Tiêu biểu là hợp tác xã Chè Môi¹ (Thanh Tâm). Qua Đại hội xã viên, bà con đã phân tích những nhược điểm, thiếu sót của cách làm ăn cũ, từ đó thống nhất phương án vừa duy trì, khuyến khích các hộ gia đình nuôi trâu, vừa lập các đội chăn nuôi của hợp tác xã để hướng mạnh sang nuôi tập trung. Hình thức kỷ luật và khen thưởng đối với người nuôi trâu được quy định rõ ràng: đẻ trâu đái, rét phạt 30-50 điểm, trâu chết phải đền tiền cho tập thể. Hàng loạt chuồng cũ nát, không đúng quy cách bị dỡ bỏ, làm mới 115 chuồng bằng đất nện kỹ, lát gạch, có liếp che đảm bảo giữ ấm cho trâu khi mùa đông đến. Hợp tác xã

¹ Trước đây là hợp tác xã Chè Trinh.

tích cực khai phá đất đồi trồng cỏ, đảm bảo đạt 3 sào cỏ/1 con trâu. Ngoài ra, tận thu số rơm sau thu hoạch, phơi khô, đánh đồng để trâu luôn được ăn đủ khẩu phần quy định. Trâu cái sinh sản được nuôi riêng, có tổ theo dõi, chăm sóc, phối giống theo lịch, theo mùa... Đàn trâu sinh sản nhanh, béo khoẻ, hợp tác xã không những đảm bảo đủ sức kéo mà còn có nghề con bán cho các xã khác. Qua chấn chỉnh việc chăn nuôi trâu, bò, đặc biệt là đẩy mạnh chăn nuôi tập thể, mỗi năm hợp tác xã tiết kiệm được hàng nghìn công điếm trả công người chăn dắt, đàn trâu sống tập trung càng có điều kiện sinh sản. Với trên một trăm con trâu, hàng chục con nghé đều đạt loại A, hợp tác xã Chè Môi trở thành điển hình tiên tiến về chăn nuôi trâu của huyện, được hàng loạt các hợp tác xã đến tham quan học tập.

Hợp tác xã Chè Môi, chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng trong các hợp tác xã có tiến bộ rõ rệt, lượng trâu bò, bê, nghé tăng nhanh. Trong 2 năm 1972-1973 đã tăng thêm 454 con nghé, 243 con bê, (so với năm 1971 tăng bình quân hàng năm là 20%), số trâu bò chết vì thiếu thức ăn, vì rét giảm mạnh.

Chăn nuôi gia cầm cũng được coi trọng nhằm tận dụng hết khả năng phát triển tổng hợp của vùng đồng chiêm. Nhiều điển hình chăn nuôi gia cầm, thủy cầm giỏi xuất hiện như hợp tác xã Đồi Non (Thanh Lưu) tiến bộ vượt bậc trong nuôi vịt. Với mức khoán chi phí và khoán sản phẩm được cải tiến hợp lý, công nuôi vịt được hợp tác xã trả cao gấp 4-5 lần công trông trọt, hầu hết người nuôi vịt vượt mức khoán khá cao. Mỗi năm đàn vịt Đồi Non có gần 1000 con, theo hợp đồng kí kết, bán cho Nhà nước hàng trăm kilôgam thịt, hàng chục nghìn quả trứng... Hợp tác xã Đồi Non, các hợp tác xã của huyện đều thực hiện nuôi vịt, cá, ngoài

ra còn nuôi dê, thỏ, ngan, ngỗng... phấn đấu từng bước đưa chăn nuôi phát triển toàn diện, cân đối trong cơ cấu nông nghiệp.

Đẩy mạnh sản xuất lương thực luôn là mối quan tâm hàng đầu của Đảng bộ Thanh Liêm, đồng thời cũng là sự quán triệt tinh thần Chỉ thị số 208, 209 của Trung ương, chủ trương của Tỉnh ủy, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI về phát triển nông nghiệp.

Tiếp tục đường lối phát triển nông nghiệp đã xác định, công tác thủy lợi luôn được xem là biện pháp hàng đầu, quyết định sự sống còn của đồng ruộng Thanh Liêm. Với khẩu hiệu "*Toàn dân làm thủy lợi, quanh năm làm thủy lợi*", các phong trào đắp đê phòng lụt, kiến thiết đồng ruộng, xây đắp các công trình tưới tiêu được đẩy mạnh. Các đội thủy lợi 202 (lực lượng bán chuyên) được nâng số lượng lên 3.000 đội viên. Sau hàng chục năm bền bỉ tiến hành, đã hoàn thành đào đắp một số con sông nhỏ có ý nghĩa rất quan trọng đối với công tác thủy lợi và giao thông đường thủy như sông Kinh Thủy (từ Thanh Hà đi Liêm Sơn), sông Đông Nai (phía Tây đường 1), sông Biên Hòa (phía Đông đường 1), sông Áp Bắc (từ Thanh Lưu đi Lòi), sông Nguyệt Đức (từ Chiêng đi Kinh Thanh). Việc khoanh vùng đồng ruộng được chú trọng, tùy theo bình độ từng khu mà khoanh tiểu vùng từ 10 đến 15 mẫu. Có hợp tác xã thực hiện khoanh vùng từ 25 đến 30 mẫu Bắc Bộ. Nhờ đó, vụ mùa năm 1973, tuy bị lũ lụt nhưng vẫn bảo vệ được 14.000 mẫu. Trong hai năm (1972-1973), tổng khối lượng đào đắp là 1.731.000m³, vượt 6% kế hoạch; tiểu thủy nông đạt 1.170.000m³; xây đắp 38 công trình chống úng, chống hạn cục bộ với tổng giá trị là 949.700 đồng, quy hoạch và hoàn thành trạm bơm điện đầu mối Nham Tràng...

Ủy ban hành chính huyện chỉ đạo Phòng nông nghiệp phối hợp cùng các hợp tác xã tiến hành nhiều đợt điều tra thổ nhưỡng, cải tạo đất. Ngoài việc thường xuyên sử dụng hiệu quả đạm, lân, phôtlit, các hợp tác xã đã sử dụng tốt hơn nguồn phân ở trại lợn tập thể, hướng dẫn xã viên tăng thêm lượng phân bón cho cây trồng, kể cả phân chuồng, phân trâu bò, phân bùn... Ngoài ra, các tổ làm phân bón hợp tác xã còn làm thêm phân xanh từ bèo dâu, điền thanh, cúc đắng; diện tích được bón phân là 25.184 mẫu (88%), bình quân 2.400kg phân chuồng/mẫu. Các hợp tác xã bước đầu giao khoán cho từng lao động trong khâu làm phân và có chế độ công điểm thích hợp. Đối với các vùng trũng nhiễm phèn, đất có độ chua cao, các hợp tác xã tiến hành khoan vùng, cải tạo đất bằng cách bón vôi, làm ải. Đến năm 1975, đã cải tạo và làm ải được từ 25-30% diện tích; thực hiện cày áp rạ trên phần lớn diện tích để tăng thêm độ mùn cho đất.

Để phục vụ thâm canh tăng năng suất cây trồng và khắc phục tình trạng thiếu giống, lẫn giống và giống xấu, huyện tiến hành xây dựng hệ thống trại giống. Cơ cấu bộ giống lúa phù hợp với từng mùa vụ cơ bản được xác định. Vụ chiêm chủ yếu là các giống Nông nghiệp, Trân châu lùn, 314. Vụ mùa là họ mọc, nếp, tám và giống thân cao. Xã Thanh Hà và Thanh Tuyên được chọn làm đơn vị nhân giống cấp 2, các hợp tác xã khác đều có đội chuyên trách sản xuất giống lúa. Nhờ đó, cơ cấu giống lúa mới được áp dụng đạt từ 45-50%, có hợp tác xã đạt 100% như Thanh Sơn, Liêm Thuận, Lại Xá, Thanh Tuyên. Các biện pháp bảo quản, chọn lọc, xử lý và ngâm ủ được thực hiện đúng quy trình kỹ thuật. Giống khoai, lạc, đỗ và các cây trồng khác cũng được chú ý.

Các hợp tác xã chú ý đầu tư công cụ lao động, trước mắt đảm bảo đủ công cụ thường cho lao động như: cày, bừa, cuốc, liềm; đưa thêm các công cụ cải tiến vào sử dụng. Số lượng xe, thuyền tăng nhanh, mỗi hợp tác xã có 2 xe bò kéo và 1 đội vận chuyển chuyên trách. Các hợp tác xã chú ý bảo quản tốt máy móc cơ khí; mở rộng địa bàn cày máy kéo, tập trung cho những nơi ruộng đất nhiều, địa hình bằng phẳng nhưng thiếu nhân lực lao động. Mạng lưới giao thông nông thôn tiếp tục được cải tạo, hệ thống đường từ đồng ruộng về sân phơi, nhà kho, từ thôn, xóm ra đồng được chú ý cải tạo, tu sửa. Chất lượng các mặt đường đảm bảo cho xe bò và xe cải tiến vận chuyển thóc lúa, hàng hóa. Bên cạnh đó, hệ thống vận chuyển đường sông được mở rộng góp phần nâng cao hơn năng lực vận chuyển trong toàn huyện.

Từ các biện pháp đồng bộ trên, liên tục 3 năm (1972-1975), tổng diện tích gieo trồng, năng suất, sản lượng lúa, màu đều đạt và vượt kế hoạch. Diện tích gieo trồng cả năm 1972 vượt 30ha (tăng 2,4% so với năm 1971), năng suất đạt 40,28 tạ/ha. Có 6 hợp tác xã đạt năng suất 5 tấn/ha trở lên, dẫn đầu là Lại Xá đạt 7,793 tấn/ha, Thanh Sơn 6,155 tấn/ha. Năng suất bình quân toàn huyện cũng đạt khá: Năm 1973, vụ chiêm xuân dù thời tiết không thuận lợi nhưng vẫn đạt 18,75 tạ/ha; năm 1974, vụ chiêm đạt 25,79 tạ/ha, vụ mùa đạt hơn 20 tạ/ha. Năm 1975, tổng sản lượng vụ chiêm xuân đạt 15.537 tấn thóc, trong đó giống mới là 5.333 tấn. Các cây rau màu, cây công nghiệp đều tăng cả về diện tích và năng suất. Diện tích màu tăng 9,7%, cây thực phẩm tăng 12,5%, sản lượng màu tăng 4,6%.

Tiếp tục chủ trương đã được Đảng bộ triển khai từ nhiều năm trước, Huyện ủy phát động chiến dịch tiến quân khai thác tiềm

lực vùng rừng, đồi núi. Với hướng đi tính đến sự phát triển bền vững, lâu dài, trước mắt phấn đấu đến năm 1980, vùng núi đất trở thành rừng cây, phủ xanh núi đồi và tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân. Bước đầu đã lập kế hoạch, nghiên cứu xác định đất đai, bố trí cây trồng cụ thể, đầu tư vốn, bổ sung cán bộ kỹ thuật cho vùng núi, xây dựng hạ tầng thủy lợi. Từng bước thực hiện di dân, vận động chuyển các hộ gia đình và lao động vào định cư ở khu vực rừng; tổ chức những đội chuyên trồng trọt, chăn nuôi và thành lập chi bộ, tổ đảng để lãnh đạo quần chúng.

Để chủ trương khai thác vùng đồi núi hiệu quả, vấn đề then chốt được Đảng bộ xác định là phải tập trung chỉ đạo quyết liệt việc *tập thể hoá toàn bộ đồi nương*. Từ thí điểm hợp tác xã Bồng Lạng vào cuối những năm 1960 cho thấy, khi còn đất đồi nương riêng thì sản xuất tập thể phát triển chậm, không thể cùng cố quan hệ sản xuất mới. Chủ trương hình thành từ Đại hội Đảng bộ lần thứ XIII, đã thực hiện thí điểm khá hiệu quả song quá trình triển khai nhân ra diện rộng cực kỳ khó khăn, vất vả bởi phải quá nhiều lực cản trong đó có tâm lý, thói quen sản xuất nhỏ, tư tưởng làm ăn riêng lẻ còn phổ biến trong nhân dân vùng đồi, kể cả trong cán bộ, đảng viên. Nhận diện rõ khó khăn, huyện cùng cố Ban chỉ đạo tập thể hoá. Đầu năm 1974, thông qua Đại hội xã viên ở các hợp tác xã, Ban chỉ đạo quán triệt mục tiêu tập thể hoá đến từng đơn vị và đôn đốc thực hiện.

Để tổ chức thực hiện có hiệu quả, huyện quyết định thực hiện thêm một thí điểm ở hợp tác xã Thong (Thanh Tâm) lấy kinh nghiệm chỉ đạo chung. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của huyện, chi bộ và ban quản lý hợp tác xã Thong đã tổ chức nhiều cuộc họp xã viên, vừa quán triệt Nghị quyết 22 của Trung ương Đảng, Chỉ thị

của Ban Bí thư về tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý kết hợp làm rõ những tác hại của việc kéo dài quá lâu việc sử dụng riêng đôi nương. Bước đầu đi vào thực hiện, không chỉ đảng viên mà đoàn viên thanh niên cũng tự giác thực hiện, đưa toàn bộ đất đai vào quỹ đất hợp tác xã. Chỉ trong một thời gian ngắn, được sự ủng hộ, thực hiện nghiêm túc của bà con xã viên, hợp tác xã đã tập thể hoá được 120 mẫu. Thắng lợi từ Thông đã lan nhanh khắp huyện, có tác động mạnh mẽ đến hàng loạt hợp tác xã có địa hình đôi nương tương tự. Nhiều hợp tác xã như Đôi Non (Thanh Lưu) chỉ trong một đêm có trên 100 lá đơn tình nguyện, chỉ sau ba ngày tập thể hoá xong 100 ha đôi nương. Tiếp đó, hợp tác xã Nam Bình (Thanh Bình), Nam Sơn (Thanh Hương) thắng lợi trong chuyển đổi. Các xã vùng ven Đáy có diện tích đôi cũng hưởng ứng tích cực như Thanh Tuyên, Thanh Tân, Thanh Lâm, Thanh Nghị, Thanh Hải, Thanh Thủy... Đến đầu năm 1975, cơ bản trên 90% diện tích đôi nương đã được tập thể hoá. Thắng lợi lớn hơn là, tập thể hoá đến đâu, các hợp tác xã đều lập kế hoạch và đưa vào sản xuất ngay đến đó. Ngày công của xã viên cho hợp tác xã tăng hẳn so với trước, nguồn thu hợp tác xã và hộ gia đình đều tăng lên. Trên diện tích đất đôi đã tập thể hoá, không chỉ có cây chè, các đội sản xuất đã trồng thêm các loại cây khác như: thông, bạch đàn ở trên núi; tre, nứa, mây ở chân núi; trồng cây ăn quả như dứa, cây có chất bột như: dong, sắn... Qua rất nhiều khó khăn, khi chủ trương được hiện thực hoá và đi vào cuộc sống, không chỉ đưa đến hiệu quả kinh tế, thay đổi đời sống dân sinh mà qua đó thể hiện rõ rệt tính ưu việt của quan hệ sản xuất.

Gắn với tập trung đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp là việc củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất mới. Đã tiến hành hợp nhất

từ 78 hợp tác xã thành 58 hợp tác xã (kể cả một số hợp tác xã khai hoang trong rừng Bồng Lạng)¹. Huyện ủy mở nhiều lớp học tập Điều lệ hợp tác xã và Điều lệ quản lý ruộng đất cho xã viên, giao cho các hợp tác xã quản lý và sử dụng số ruộng đất bị thu hồi do lấn chiếm. Tất cả các hợp tác xã đều tiến hành phân nhóm, phân hạng ruộng đất theo tiêu chuẩn thống nhất trên địa bàn huyện, từ đó quy hoạch, bố trí, sắp xếp cây trồng hợp lý, quy vùng sản xuất tập trung.

Quán triệt tinh thần Chỉ thị số 208 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Thanh Liêm hăng hái tham gia cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý hợp tác xã. Chế độ quản lý về sản xuất, kinh doanh, chế độ phân phối, quyền làm chủ tập thể của xã viên dần được hoàn thiện. Lao động trong hợp tác xã nông nghiệp bước đầu đi vào tổ chức và phân công theo hướng chuyên môn hóa. Bên cạnh các đội chuyên ngành trồng trọt, hầu hết các hợp tác xã đều lập được các đội chuyên nuôi cá, nuôi lợn... Trên cơ sở đó, các hợp tác xã thuận lợi hơn trong hoàn chỉnh hệ thống định mức lao động, sắp xếp công việc và tiêu chuẩn tính công để áp dụng khoán, quản. Phương án ăn chia, phân phối được thực hiện đúng chính sách; công tác thu chi tài chính, kiểm kê thanh toán, báo cáo công khai trong các hợp tác xã kịp thời hơn trước.

Việc đưa tỷ lệ hợp tác xã lên bậc cao quá nhiều trong khi trình độ quản lý, điều hành của Ban quản trị các hợp tác xã chưa kịp đáp ứng. Sự giúp đỡ, hướng dẫn của các ngành chức năng

¹ Từ 51 đến 99 ha có 7 hợp tác xã, từ 100 đến 150 ha có 22 hợp tác xã, từ 151-200 ha có 15 hợp tác xã, từ 201-250 ha có 7 hợp tác xã, từ 251-300 ha có 5 hợp tác xã, trên 300 ha có 1 hợp tác xã (Hòa Ngãi, Thanh Hà).

chưa tích cực, còn nặng về hành chính; tính tùy tiện trong quản lý kinh tế và thực hành các chính sách của các hợp tác xã... vẫn còn tồn tại, toàn huyện còn 18 hợp tác xã yếu kém. Tuy vậy, những kết quả đạt được sau quá trình vận động cải tiến là rất cơ bản và quan trọng: phương hướng sản xuất cho từng vùng, từng hợp tác xã và của toàn huyện được xác định phù hợp, rõ ràng, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế vùng những năm tiếp theo. Nhiều điển hình xuất hiện, như hợp tác xã Thanh Sơn tiêu biểu trong việc thực hiện quyền làm chủ tập thể của xã viên; hợp tác xã Lại Xá, hợp tác xã Thanh Nguyên tiêu biểu cho phong trào thâm canh lúa, hợp tác xã Chè Môi, Đồi Non trong chăn nuôi tập thể...

Công nghiệp địa phương trong chiến tranh phá hoại ác liệt phải sơ tán, điều kiện sản xuất khó khăn nhưng đảng bộ, chi bộ các xí nghiệp như đá, vôi, gạch, cơ khí 63 đã chỉ đạo chuyển hướng sản xuất phù hợp, đảm bảo che phòng tốt. Đời sống của cán bộ, công nhân được ổn định, đồng thời vẫn đẩy mạnh sản xuất, nhiều xí nghiệp đảm bảo hoàn thành kế hoạch được giao. Chấm dứt chiến tranh, các cơ sở sản xuất nhanh chóng khôi phục hoạt động, động viên cán bộ, công nhân viên thi đua đẩy mạnh sản xuất, tăng cường công tác quản lý lao động, vật tư thiết bị để tăng năng suất lao động, đảm bảo chất lượng.

Các hợp tác xã thủ công từng bước được củng cố và đẩy mạnh các ngành sản xuất vật liệu xây dựng như: khai thác đá, nung vôi, gạch, ngói..., sửa chữa máy móc, chế tạo cơ khí, công cụ sản xuất, hàng tiêu dùng, chế biến thực phẩm đã có nhiều cố gắng phục vụ sản xuất và đời sống. Nhiều hợp tác xã đã biết tìm hướng đi lên trong khó khăn để đảm bảo sản xuất như hợp tác xã Mỹ Tho. Mặc dù nguyên liệu chính của hợp tác xã để sản xuất ra

sản phẩm là lương thực, thực phẩm luôn khan hiếm song các mặt hàng chủ đạo vẫn đảm bảo kế hoạch, phục vụ nhu cầu của nhân dân như nước mắm, đậu phụ. Các hợp tác xã thủ công đã đi vào sắp xếp lao động, nâng dần số lượng, chất lượng hàng hóa, hạn chế tình trạng tồn kho, ứ đọng vốn.

Trong điều kiện chiến tranh, hoạt động lưu thông gặp nhiều khó khăn song huyện luôn hướng sự chỉ đạo đối với các ngành tài chính, ngân hàng, thương nghiệp vào việc phát huy chức năng phục vụ sản xuất, chiến đấu và đời sống của quần chúng nhân dân. Ngành tài chính tăng cường khai thác và phát triển thêm nhiều nguồn thu cho ngân sách địa phương, nguồn thu luôn đạt và vượt kế hoạch, đảm bảo cân bằng thu chi đúng chính sách, nguyên tắc và chế độ. Đặc biệt, ngành đã hỗ trợ tích cực cho các hợp tác xã nông nghiệp về công tác quản lý tài vụ, đưa dần hoạt động này vào nề nếp. Ngành ngân hàng, tín dụng tích cực huy động vốn, thu hồi tiền mặt, vận động tiết kiệm, cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp. Tổng thu tiền mặt năm 1972 so với năm 1971 tăng 24,7%, đến tháng 9-1973 tiếp tục vượt kế hoạch 6%, vốn cho vay phục vụ sản xuất nông nghiệp so với năm 1972 tăng 5%. Phong trào tiết kiệm năm 1972 đạt bình quân 25,5% đồng/người, vượt 16% kế hoạch.

Là cầu nối giữa sản xuất và đời sống, ngành Thương nghiệp có nhiều cố gắng tổ chức nắm nguồn hàng, thu mua hàng hóa phục vụ nhân dân. Năm 1972, tổng doanh số mua vào tăng 17,2% kế hoạch (tăng 21,6% so với năm 1971), doanh số bán ra vượt 1,2% (tăng 15,7% so với năm 1971), thực phẩm vượt kế hoạch 4,7%; chè tươi vượt 18%; lương thực vượt 9,2% (tăng 13% so với năm 1971). Các mặt hàng thiết yếu như phân, vôi, lân, thuốc trừ sâu, dầu mỡ được phân phối kịp thời; lương thực, thực phẩm,

nông sản của nông dân được cung cấp cho các hợp tác xã mua bán; các mặt hàng phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của nhân dân như: vải, dầu hoả, muối... cũng được đáp ứng. Ngành còn tích cực thu mua nông sản, hàng hóa địa phương, đảm bảo thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

Trong phong trào làm giao thông nông thôn, hàng vạn nhân công được huy động vào việc tu sửa, cải tạo, mở rộng mặt đường; tiếp tục trồng cây và rải đá các tuyến đường liên xã, đường thôn xóm, đường nội đồng, đảm bảo vận chuyển hàng hóa và đi lại thuận tiện. Trong hai năm (1972-1973), đã đào đắp được 320.240m³ đất, khai thác và vận chuyển 42.918m³ đá, sửa chữa và rải đá 195,778km đường (kể cả đường trong huyện và thôn xóm). Nhờ vậy, năm 1973, mặc dù mưa lớn, úng nặng nhưng vẫn đảm bảo việc đi lại bình thường. Các lực lượng vận chuyển được củng cố và phát triển như: hợp tác xã thuyền buồm, hợp tác xã xe bò, xích lô... Ngoài ra các hợp tác xã còn có tổ vận tải bán chuyên như: tổ xe bò kéo, tổ thuyền...

Sự nghiệp giáo dục tiếp tục có bước phát triển. Cả hai ngành học giáo dục phổ thông và tổ túc văn hoá đều phát triển cả số và chất lượng so với trước. Năm học 1970-1971, số lượng học sinh tăng hơn năm học trước 4,1%, số học sinh trúng tuyển trong các kỳ thi chuyển cấp và tốt nghiệp đạt kết quả khá (cấp I đạt 89,6%; cấp II đạt 82,5%; cấp III đạt 75,3%; bổ túc văn hoá đạt trên 80%). Đội ngũ giáo viên các cấp được tăng cường cả về số lượng và chất lượng, qua rèn luyện thử thách đã trưởng thành về nhiều mặt, quyết tâm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ. Trong điều kiện kinh tế còn thiếu thốn, phải chủ động, tự túc nhiều mặt, các cán bộ, giáo viên và lãnh đạo nhà trường luôn cố gắng, nỗ lực hết mình để xây dựng sự nghiệp giáo dục đào tạo, góp phần xây

dựng và bảo vệ Tổ quốc. Các cơ sở phúc lợi như trạm xá, nhà mẫu giáo được củng cố và phát triển. Phong trào bảo vệ bà mẹ trẻ em, sinh đẻ có kế hoạch và phong trào thể dục thể thao được phát động mạnh trong toàn huyện.

Sau khi Hiệp định Pa-ri được ký kết, cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta bước sang thời kỳ mới với những điều kiện thuận lợi. Để phát huy cao nhất chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam, Đảng và Nhà nước chủ trương huy động cao nhất sức người, sức của, chỉ viện cho tiền tuyến. Công tác xây dựng lực lượng vũ trang và động viên nghĩa vụ quân sự trở thành nhiệm vụ đặc biệt quan trọng. Với tinh thần *"Tất cả để giải phóng hoàn toàn miền Nam"*, Huyện ủy đã đặt công tác tuyển quân là nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện xuống từng xã để chỉ đạo cụ thể công tác tuyển quân. Đối với một số cơ sở yếu, Đảng bộ có những biện pháp hỗ trợ cụ thể, xử lý kiên quyết những trường hợp cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ và các cơ quan thuộc hệ thống chính trị. Nêu cao tinh thần gương mẫu, động viên con em mình xung phong ra tiền tuyến. Các đoàn thể chính trị - xã hội như thanh niên, phụ nữ, phụ lão làm tốt công tác tuyên truyền vận động, tạo điều kiện giúp đỡ những gia đình có con em đi bộ đội trong cuộc sống, trong lao động sản xuất để người ra đi yên tâm cầm súng chiến đấu. Với những nỗ lực đó, huyện đã tiếp tục phát huy truyền thống nhiều năm là lá cờ đầu của Tỉnh về công tác tuyển quân, luôn vượt kế hoạch, đảm bảo chất lượng, đúng thời gian quy định¹.

¹ Năm 1972: 113%; năm 1973: 107%; năm 1974: 119,9%; đợt đầu năm 1975 vượt chỉ tiêu cả năm (100,55%).

Quán triệt Chỉ thị số 3 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nam Hà, Đảng bộ Thanh Liêm đã có những biện pháp chỉ đạo cụ thể đối với việc phá rối của một số phần tử phản động đội lốt tôn giáo. Nhận định đây là cuộc đấu tranh hết sức phức tạp, huyện tập trung trước hết vào những biện pháp nhằm ổn định tình hình, tăng cường vai trò cấp ủy, vận động quần chúng tham gia vào cuộc đấu tranh, đặc biệt là quần chúng giáo dân để chặn đứng âm mưu chống phá cách mạng.

Nhằm tăng cường vai trò của Đảng ở các cơ sở tôn giáo, Ban Thường vụ Huyện ủy tổ chức cuộc họp giữa Ban với các đồng chí Bí thư, Phó Bí thư đảng ủy cơ sở. Cuộc họp kéo dài 1 ngày với sự tham gia của phần lớn cấp ủy (có 41/46 đồng chí đến dự). Nhiều vấn đề về tư tưởng, về phương hướng chỉ đạo và biện pháp giải quyết được bàn bạc cụ thể và đi đến thống nhất cao. Ngoài ra, vai trò của các tổ chức đoàn thể trong công tác ổn định tư tưởng quần chúng, cô lập các hoạt động chống phá của bọn phản động cũng được huyện chú trọng, đặc biệt là vai trò của Mặt trận. Sau hội nghị, Thường vụ Huyện ủy đã tổ chức cuộc họp với các trưởng ban Mặt trận xã, thị trấn (có 23/23 đại biểu đến dự) để quán triệt chủ trương của huyện đối với vấn đề tôn giáo là thực hiện đúng đường lối của Đảng, kiên quyết trấn áp đối với những phần tử mượn tôn giáo để mưu đồ chính trị, gây rối an ninh... Huyện mở 2 lớp giáo dục các chánh trương, trùm trường, quản giáo (có 45/52 người đến dự). Tổ chức tiếp xúc với các linh mục, chỉ rõ chính sách tự do tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước, nhấn mạnh sự cần thiết phải tôn trọng pháp luật của các tổ chức tôn giáo. Song song với những biện pháp trên, công tác giáo dục, học tập chính sách tôn giáo được huyện đẩy mạnh. Tổ chức học tập cho 322

cán bộ, đảng viên ở nơi có đạo. Bồi dưỡng học tập cho cán bộ giáo viên cấp I, cấp II, kết hợp giáo dục học sinh ở những xã có đạo.

Sau hiệp định Pa-ri, một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân xuất hiện tư tưởng an hưởng hòa bình, đòi hỏi đãi ngộ... Trong điều kiện chiến tranh chỉ mới chấm dứt ở miền Bắc, mục tiêu thống nhất đất nước chưa được thực hiện thì cuộc đấu tranh vẫn còn tiếp tục kéo dài và đầy khó khăn, gian khổ. Những tư tưởng đó dù chỉ mới chớm bộc lộ cũng là một nguy cơ đối với Đảng bộ. Nhận thức được điều đó, Huyện ủy Thanh Liêm tăng cường giáo dục chính trị trong đảng viên và quần chúng, giúp hiểu rõ hơn thực tế tình hình. Thắng lợi đạt được mới chỉ là bước đầu, sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước còn tiếp tục, cần nhiều sự nỗ lực, hy sinh. Từ đó, mỗi cán bộ, đảng viên xác định rõ hơn trách nhiệm của mình trong công cuộc khắc phục hậu quả chiến tranh ở miền Bắc, tăng cường chi viện cho cách mạng miền Nam.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 192 của Ban bí thư Trung ương Đảng, Nghị quyết số 195 của Trung ương về nâng cao chất lượng Đảng viên. Đảng bộ quyết tâm xây dựng Đảng bộ, chi bộ, đảng viên "bốn tốt" và đề ra nhiều biện pháp thực hiện. Khối nông thôn được quan tâm chú ý bởi có số lượng đảng viên và chi bộ chiếm phần lớn trong toàn Đảng bộ¹, là hạt nhân đẩy mạnh sản xuất tập thể, chi viện quân, lương..., trong khi đó trình độ nhiều mặt ở khối nông thôn chưa đồng đều. Đảng bộ đã chọn 3 chi bộ ở Đảng bộ xã Thanh Châu, Tây Hà (xã Thanh Lâm), Thanh Sơn (xã Liêm Thuận) để áp dụng biện pháp xây dựng cơ sở trở thành "bốn tốt". Các cấp ủy cơ sở đề ra phương hướng phấn đấu cho

¹ Trong tổng số 3.585 đảng viên có 2.636 đảng viên khối nông thôn, sinh hoạt trong 64 chi bộ.

từng hợp tác xã, phân công cho từng đảng viên bám sát chỉ đạo ở từng đội sản xuất. Đảng viên đã thấy rõ trách nhiệm, gương mẫu lao động, gắn bó với tập thể, vận động quần chúng xã viên xây dựng hợp tác xã. Đến cuối năm 1972, có 12 chi bộ từ yếu kém phấn đấu trở thành chi bộ trung bình và khá. Vai trò lãnh đạo của chi bộ, tổ đảng được nâng cao, theo đó chất lượng đảng viên cũng được nâng lên. Qua bình bầu phân loại đảng viên năm 1972, chất lượng đảng viên tốt tăng 15% so với năm 1971, số đảng viên kém giảm từ 8,3% năm 1971 xuống còn 6,4% năm 1973, số tổ đảng kém giảm 31%.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được quan tâm hơn trước. Trong hai năm (1972-1973) đã bồi dưỡng 521 đồng chí trong đảng ủy, chi ủy cơ sở (kể cả nông thôn và cơ quan, xí nghiệp...), bồi dưỡng tại chức cho 125 đồng chí là Đảng ủy, chi ủy, Trưởng, Phó các ban, ngành trong huyện; cử 45 đồng chí là Thường vụ Đảng ủy xã đi học trường Đảng tỉnh; bồi dưỡng 75 quần chúng ưu tú; phát triển thêm 22 đảng viên mới.

Việc thực hiện nghiêm túc Chi thị số 192 góp phần nâng cao tính Đảng, tính giai cấp, tính tiên phong, lập trường quan điểm, ý thức tổ chức và tinh thần trách nhiệm của cán bộ đảng viên. Các trường hợp mất đoàn kết trong nội bộ được giải quyết; những đảng viên kém có sự chuyển biến. Qua kiểm tra xử lý 310 trường hợp vi phạm kỷ luật Đảng (chiếm 12,4% tổng số đảng viên, trong số đó đảng viên bị đưa ra khỏi đảng là 20%). Nhận thức, tư tưởng, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật và xây dựng Đảng của đảng viên được nâng lên. Hiện tượng mất đoàn kết trong nội bộ được giải quyết; những đảng viên kém có sự chuyển biến, hiểu rõ hơn quyền hạn, trách nhiệm của mình, nỗ lực hoàn thành các nhiệm vụ chính trị được giao.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, Đoàn Thanh niên đã động viên, giáo dục, cổ vũ lớp trẻ hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ, thực sự là cánh tay phải và là đội hậu bị của Đảng. Phong trào "Ba sẵn sàng" động viên đoàn viên và thanh niên hăng hái tòng quân giết giặc, tham gia thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến phục vụ chiến đấu. Thanh niên cũng là lực lượng xung kích trên mặt trận lao động sản xuất, phát triển kinh tế, chống thiên tai và thực hiện các biện pháp khoa học - kỹ thuật trong nông nghiệp. Số lượng đoàn viên được giới thiệu, kết nạp vào Đảng ngày càng tăng, là nguồn bổ sung cán bộ chủ yếu để phục vụ yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng. Đội thiếu niên, nhi đồng có nhiều phong trào sôi nổi như "Nghìn việc tốt", tham gia giúp đỡ gia đình thương binh, liệt sỹ, phong trào học tập làm theo 5 điều Bác Hồ dạy...

Hội Phụ nữ huyện chú trọng, bồi dưỡng, giáo dục, xây dựng người phụ nữ mới xã hội chủ nghĩa, tăng cường mở các đợt sinh hoạt chính trị học tập nghị quyết, chỉ thị của Trung ương hội, Tỉnh hội. Qua đó động viên chị em hăng hái thi đua sản xuất, tiết kiệm; động viên chồng con tòng quân, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội... Trong sản xuất nông nghiệp, phụ nữ đã góp phần quan trọng trong phong trào thâm canh, làm phân bón, tích cực chăn nuôi. Nhiều chị em đảm nhiệm vị trí chủ chốt trong công tác Đảng, chính quyền, công tác quản lý hợp tác xã. Qua chiến đấu, sản xuất, hàng nghìn chị em trong huyện được công nhận là phụ nữ "Ba đảm đang".

*

* *

Hơn 20 năm (1954-1975), Đảng bộ và nhân dân Thanh Liêm đã lao động quên mình, không tiếc mồ hôi, công sức và cả xương

máu để hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, tham gia đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ ra miền Bắc, bảo vệ quê hương và chi viện đến mức cao nhất sức người sức của cho chiến trường miền Nam. Huyện đóng góp 18.444 tấn lương thực và 1.811 tấn thực phẩm cho chiến trường miền Nam¹; động viên 10.054 thanh niên lên đường nhập ngũ, gần 1.000 thanh niên xung phong, dân công phục vụ chiến đấu tại các chiến trường ác liệt. 11 năm liên tục (1965-1975) Thanh Liêm được công nhận là lá cờ đầu trong công tác chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến. Năm 1975, toàn huyện có 56,1% hộ quân nhân (có xã tới 83% số hộ quân nhân), 630 đảng viên nhập ngũ, 66 hộ có từ 2-3 cha con nhập ngũ, 18 hộ có 5-6 con là bộ đội, 400 hộ có 3 con đi chiến đấu; 10,46% thanh niên vào quân đội; 837 gia đình có liệt sỹ (với 2.303 liệt sỹ), 847 thương binh... Nhiều người con của Thanh Liêm đã anh dũng hy sinh tại các chiến trường như anh hùng Khúc Văn Lượng (xã Thanh Thủy), anh hùng lực lượng vũ trang Nguyễn Thị Nhạ (thôn Châu Giang - Kiện Khê), họ là những tấm gương hy sinh quả cảm vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc.

Ghi nhận những đóng góp đó, Đảng và Nhà nước tặng thưởng Đảng bộ và nhân dân Thanh Liêm Huân chương Chiến công hạng Hai về phong trào dân quân tự vệ, chiến đấu và phục vụ chiến đấu; Huân chương Kháng chiến hạng Ba và Huân chương Lao động hạng Ba về giao thông vận tải; Huân chương Lao động hạng Hai về thực hiện chính sách hậu phương quân

¹ Tỉnh ủy Hà Nam, Đảng bộ - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hà Nam: Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975), Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004, tr.486.

đội; tặng 868 Bảng vàng danh dự cho các gia đình quân nhân; 7.268 Bảng gia đình vẻ vang và 90 Huân chương các hạng cho gia đình liệt sỹ, gia đình có công với nước; công nhận hàng chục tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa và đơn vị quyết thắng¹. Ngoài ra, còn hàng trăm chiến sỹ thi đua, chiến sỹ quyết thắng, hàng trăm phụ nữ ba đảm đang, thanh niên ba sẵn sàng, lao động tiên tiến, dũng sỹ, kiện tướng, danh hiệu bốn tốt... do nhân dân trong huyện bình bầu, xét chọn².

Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng bộ và nhân dân Thanh Liêm đã tạo dựng được quan hệ sản xuất mới, hệ thống thủy lợi, giao thông nông thôn qua gần hai thập kỷ bền bỉ cải tạo đã cơ bản hoàn thành, diện tích lúa "ăn chắc" từ 50% những năm đầu hoà bình đã lên đến 80%, đời sống nhân dân được cải thiện; sự nghiệp giáo dục, văn hóa, y tế phát triển mạnh mẽ.

Thực tiễn quá trình lãnh đạo toàn quân, toàn dân trong huyện đạt nhiều thành tích, chiến công nhưng cũng chứa đựng cả những hy sinh, mất mát đã để lại cho Đảng bộ những bài học kinh nghiệm quý báu:

Trước hết, trong mọi hoàn cảnh, Đảng bộ phải luôn quán triệt đường lối chung của cấp trên đồng thời tìm tòi, suy nghĩ để vận dụng hiệu quả, sát hợp với đặc thù và thực tiễn địa phương. Thực tiễn vận động của cuộc cách mạng xây dựng chủ nghĩa xã hội,

¹ Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Thanh Liêm: *Lịch sử Đảng bộ huyện Thanh Liêm (7/1954-4/1975)*, sơ thảo, Thanh Liêm, 10-2000, tr.150-151.

² Ngày 8-11-2002, nhân dân và lực lượng vũ trang xã Thanh Hải được Đảng và Nhà nước trao tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. Theo: Tỉnh ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam, *Địa chí Hà Nam*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 2005, tr.1273.

chống chiến tranh phá hoại của Thanh Liêm cho thấy, không có sự bế tắc nào, thử thách nào là không có lối thoát. Vấn đề là nhận thức khó khăn ấy ra sao và vận dụng biện pháp nào để vượt qua. Với tinh thần quyết vượt lên khó khăn, tìm tòi một cách làm riêng, một hướng đi đúng phù hợp với chủ trương và cơ chế của Trung ương, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân toàn huyện vững bước đi lên. Đó là việc nắm vững và vận dụng 3 cuộc cách mạng vào sản xuất nông nghiệp; đấu tranh xóa bỏ tàn dư phong kiến; tìm hướng đột phá vào khâu thủy lợi để vực dậy nền nông nghiệp. Đó là chủ trương khai phá vùng đồi nương, tìm hướng đẩy mạnh kinh tế; đi trước một bước trong chuẩn bị cơ sở vật chất, tiềm lực quốc phòng chống chiến tranh phá hoại, ngay cả khi Nghị quyết Trung ương chưa đến với cơ sở, từ đó chủ động giành chiến thắng ngay trên chiến trường quê hương... Việc đấu tranh trong nội bộ để ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất như đưa giống lúa mới vào thâm canh cũng là minh chứng cho sự chủ động vận dụng chủ trương, đường lối để phát triển nông nghiệp. Và khi đã mạnh dạn lựa chọn thì phải kiên quyết thực hiện thắng lợi. Đó cũng là bản lĩnh lãnh đạo, một tố chất riêng của Đảng bộ. Và trên thực tế, dù khó khăn, hướng đi được chọn là đúng. Kết quả của việc mạnh dạn đưa các giống mới và các kỹ thuật tiên bộ đã tạo ra khả năng mới, đưa nông nghiệp phát triển toàn diện hơn. Thực tiễn của Đảng bộ xã Thanh Nguyên, Thanh Sơn, Liêm Thuận, Thanh Tuyên... về chỉ đạo sản xuất thắng lợi đã chứng minh điều đó.

Xác định được hướng đi đúng nhưng để thực hiện thắng lợi còn phụ thuộc nhiều vào việc triển khai thực hiện. Đảng bộ luôn chú trọng đến xây dựng thí điểm điển hình để rút kinh nghiệm lãnh đạo và nhân rộng. Đó là cách lãnh đạo thực hiện nghiêm túc,

khoa học. Điều đó được thể hiện ngay từ quá trình xây dựng các tổ đổi công từ những năm 1957-1958. Trong cuộc vận động hợp tác hoá, nhờ thí điểm tốt ở hai hợp tác xã đã có sức tuyên truyền thuyết phục và rộng khắp, tạo đà để thời gian sau, phong trào bùng lên mạnh mẽ. Đó là cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, từ chủ trương của Trung ương, xuất phát từ thực tế của huyện, Đảng bộ đã chia cuộc vận động thành nhiều đợt, mỗi đợt xây dựng một số thí điểm, rút kinh nghiệm cho những lần sau. Thậm chí, có những cuộc vận động lớn, Đảng bộ đã bền bỉ, kiên trì xây dựng điem qua nhiều giai đoạn mới đi đến thành công. Đó là bài học trong tiến công khai phá đồi nương, một tư duy mới, một chủ trương đúng đặt nền tảng cho hàng loạt những dự án về khu vực đồi núi trong tương lai. Không chỉ trong lãnh đạo phát triển kinh tế mà trong xây dựng Đảng, đoàn thể, chính quyền, huyện cũng luôn vận dụng phương thức thí điểm như cuộc vận động xây dựng chi bộ, đảng bộ, đảng viên bốn tốt...

Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân luôn là bài học kinh nghiệm được Đảng bộ triệt để vận dụng. Điều đó thể hiện ở việc Đảng bộ luôn coi trọng việc tuyên truyền, giáo dục, tập hợp mọi tầng lớp nhân dân trong các tổ chức, đoàn thể. Trong xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết, Đảng bộ giải quyết đúng đắn đoàn kết lương - giáo. Sau khi hòa bình lập lại ở miền Bắc, địch tiến hành dụ dỗ, cưỡng ép đồng bào giáo dân di cư vào miền Nam, Đảng bộ kiên trì vận động, thuyết phục, từng bước làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân lương cũng như giáo phân biệt giữa tự do tín ngưỡng và âm mưu lợi dụng Thiên chúa giáo của địch. Đảng bộ đã biết dựa vào quần chúng cách mạng, nắm bắt và giải quyết kịp thời nguyện vọng, lợi ích chính

đáng của nhân dân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, hoạt động của Mặt trận, các đoàn thể nhân dân bám sát nhiệm vụ chính trị của huyện, động viên các tầng lớp nhân dân chấp hành đường lối, xây dựng Đảng, chính quyền, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân; đẩy mạnh phong trào "*Chính quyền giỏi toàn diện*"; thanh niên "*Ba sẵn sàng*", phát huy vai trò tiên phong trong chiến đấu, xây dựng và phát triển kinh tế, áp dụng khoa học - kỹ thuật trong nông nghiệp; Hội Phụ nữ có phong trào "*Ba đảm đang*"; Mặt trận Tổ Quốc đẩy mạnh phát động phong trào "*Ba giỏi*"; thiếu niên nhi đồng thi đua "*Làm nghìn việc tốt*". Đảng bộ thường xuyên củng cố tổ chức, tập hợp thu hút các lực lượng trong nhân dân tham gia sinh hoạt đảng; tôn trọng quyền làm chủ tập thể của quần chúng. Từ niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Thanh Liêm một lòng chung sức, là động lực của vô vàn những phong trào cách mạng trên các mặt trận xây dựng và bảo vệ quê hương, cùng cả nước đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ đến thắng lợi cuối cùng.



Di tích lịch sử - văn hóa Quốc gia - Đình Cháy xã Liêm Thuận - nơi 2 lần là địa điểm mở Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1968-1971 (ảnh chụp năm 1999).



Đại đội pháo phòng không 37 ly, dân quân huyện luyện tập sẵn sàng chiến đấu (đóng tại xã Liêm Thuận).



Cầu Đuan Vĩ, nơi diễn ra những trận đánh ác liệt chống lại chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ (1965-1972).



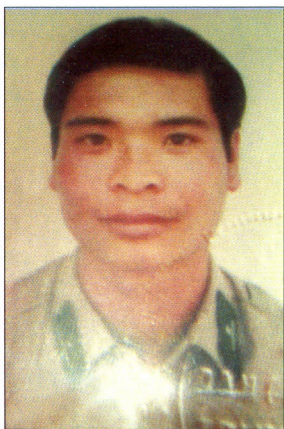
Chăm sóc lúa Đông - Xuân năm 2005 tại xã Liêm Sơn.



Anh hùng LLVT
Nguyễn Thị Nhạ
(1945-1967)



Anh hùng LLVT
Khúc Văn Lượng
(1945-1987)



Anh hùng LLVT
Phạm Văn Điền
(1966-1999)



Anh hùng
Nguyễn Văn Tham
(1957)

PHẦN THỨ BA

THANH LIÊM CÙNG CẢ NƯỚC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975-2005)

CHƯƠNG V

CÙNG CẢ NƯỚC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, BƯỚC ĐẦU ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ (1975-1986)

**I. THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC 5 NĂM LẦN
THỨ HAI, THAM GIA ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC
(1975-1980)**

**1. Tiếp tục ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, bước
đầu đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa
(1975-1977)**

Đại thắng Mùa xuân năm 1975 kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ vĩ đại và oanh liệt của nhân dân ta, chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, rửa sạch nỗi đau mất nước hơn một thế kỷ, mở ra kỷ nguyên mới của cách mạng Việt Nam - kỷ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đây là điều kiện thuận lợi để toàn Đảng, toàn dân ta quyết tâm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên,

cuộc chiến tranh dài ngày và khốc liệt của đế quốc Mỹ và tay sai để lại nhiều hậu quả nặng nề ở cả 2 miền Nam - Bắc. Cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội từ xuất phát điểm thấp, kinh tế nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ còn phổ biến. Trong khi đó, Mỹ tập hợp lực lượng tiếp tục chống phá cách mạng Việt Nam bằng những âm mưu, thủ đoạn mới cùng với hành động gây chiến của tập đoàn Pôn Pốt, tình hình căng thẳng ở biên giới phía Bắc, sự khủng hoảng kinh tế - xã hội của Liên Xô và Đông Âu là những yếu tố không thuận cho cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới.

Thực tiễn lịch sử đó đòi hỏi Đảng phải có cách giải quyết và bước đi phù hợp với yêu cầu cách mạng nước ta, đặc biệt là phải xác định đúng đắn mô hình và con đường, cách thức đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm của đất nước trong hoàn cảnh lịch sử mới.

Tháng 8-1975, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III họp Hội nghị lần thứ 24 xác định nhiệm vụ cách mạng nước ta trong giai đoạn mới: *"Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội..."*¹. Với cách mạng miền Bắc, Hội nghị nêu nhiệm vụ: tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, khắc phục mọi khó khăn, đồng thời tiếp tục phát huy tác dụng tích cực đối với sự nghiệp phát triển cách mạng trong cả nước.

Để phù hợp với yêu cầu xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, trong giai đoạn mới, Trung ương chủ trương sáp nhập một số

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng*, Nxb. Sự Thật, H, 1975, tr.9, 12.

tỉnh, huyện, xã lên quy mô lớn. Cuối năm 1975, tỉnh Nam Hà hợp nhất với tỉnh Ninh Bình thành tỉnh Hà Nam Ninh. Từ tình hình và đặc điểm của tỉnh mới hợp nhất, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất đã xác định nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh năm 1976 là: *"Ra sức khai thác tốt tiềm lực của tỉnh mới, đẩy mạnh cơ sở vật chất kỹ thuật, hoàn thiện quan hệ sản xuất theo hướng tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý từ cơ sở, tiến hành cơ giới hóa nông nghiệp, đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu, tạo điều kiện thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm (1976-1980)"*¹.

Bước vào thực hiện nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, Thanh Liêm gặp không ít khó khăn. Là huyện nằm trên trục Quốc lộ 1A, trong suốt hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ra miền Bắc, Thanh Liêm là một trọng điểm bắn phá của địch nhằm ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam, trong đó có những điểm bị đánh phá ác liệt như cầu Đuan Vĩ, Động Xuyên, Độ Xá... các công trình văn hoá - xã hội, các khu dân cư ven quốc lộ... Hậu quả chiến tranh để lại hết sức nặng nề, không chỉ là những thiệt hại về con người, tài sản, kết cấu hạ tầng mà còn ảnh hưởng đến công tác quản lý kinh tế, xã hội.

Là một vùng chiêm trũng, bán sơn địa, hệ thống thuỷ lợi chưa hoàn chỉnh, lại bị hư hại do chiến tranh nên luôn bị úng lụt. Nông nghiệp chủ yếu còn độc canh cây lúa, năng suất, sản lượng cây trồng, vật nuôi thấp, các ngành nghề chậm phát triển; công tác quản lý và khai thác tài nguyên ở địa phương chưa có quy hoạch và biện pháp quản lý chặt chẽ; cơ sở vật chất của các ngành Giao thông, Giáo dục, Y tế còn nhiều bất cập so với yêu

¹ Những sự kiện lịch sử Đảng bộ Hà Nam, tr.13.

cầu xây dựng quê hương; đời sống vật chất và tinh thần của đại đa số nhân dân còn thấp, các hủ tục như mê tín, dị đoan, tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp...

Với bản lĩnh chính trị vững vàng, bằng những kinh nghiệm đã tích lũy qua các thời kỳ cách mạng, Đảng bộ kiên trì tìm tòi con đường, cách thức đưa Thanh Liêm từng bước vượt qua khó khăn, vững bước đi lên.

Hoà chung với khí thế của cả nước, ngày 15-5-1975, Đảng bộ và nhân dân Thanh Liêm tổ chức mít tinh trọng thể chào mừng ngày giải phóng miền Nam. Các hoạt động văn hoá, văn nghệ, tổ chức thăm hỏi, giúp đỡ, động viên các gia đình bộ đội, sửa sang nghĩa trang liệt sĩ... diễn ra sôi nổi ở khắp các địa phương trong huyện.

Tháng 5-1975, Đảng bộ Thanh Liêm tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ XVII. Đại hội đề ra mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội cơ bản là:

- Tập trung đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất cây trồng, phần đầu có nhiều hợp tác xã đạt 5 tấn. Đi đôi với việc mở rộng diện tích, trong vòng 2 đến 3 năm tiếp theo phải xoá xong diện tích bỏ trống vụ mùa của 14 xã vùng chiêm trũng. Đối với 6 xã ven Đáy và 4 xã phía Bắc huyện phải đẩy mạnh phong trào thâm canh và mở rộng diện tích vụ đông.

- Đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính, tăng số lượng đàn trâu, bò, hạ tỷ lệ một con trâu, bò phải cày từ 9 đến 10 mẫu ruộng xuống còn 6 đến 7 mẫu. Khuyến khích mỗi hộ nuôi từ 2 đến 3 con lợn, xoá hộ trống chuồng, phát triển mạnh phong trào nuôi cá.

- Tạo điều kiện đưa nhanh cơ giới vào đồng ruộng, chuyển hợp tác xã Vạn Thắng thành xưởng cơ giới.

- Ổn định cơ sở vật chất cho ngành Y tế và Giáo dục để phục vụ khám, chữa bệnh, giảng dạy và học tập của nhân dân.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành khoá XVII gồm 22 ủy viên chính thức và 3 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Nguyễn Văn Cư được bầu giữ chức vụ Bí thư, đồng chí Đinh Văn Nhung được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Hoàng Ngọc Quyết được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban hành chính.

Ngay sau Đại hội, Đảng bộ xác định công tác trọng tâm là đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp. Huyện uỷ phân công nhiệm vụ cho từng đồng chí trong Ban Chấp hành bám sát từng xã được phụ trách, chủ động, linh hoạt trong chỉ đạo. Với quyết tâm khôi phục sản xuất nông nghiệp, đảm bảo đời sống nhân dân, cán bộ được phân công nhiệm vụ đã hoà mình với phong trào, ngày đêm lăn lộn, bám chắc địa bàn, kịp thời nắm mọi diễn biến trong sản xuất, phát động quần chúng nhân dân tiến quân sôi nổi thực hiện tích cực các công tác cấp bách trước mắt.

Vụ chiêm năm 1976, mặc dù thiên tai khắc nghiệt, thời tiết diễn biến thất thường, đầu vụ rét đậm, mạ chết phải gieo lại, cuối vụ có bão lớn, nhưng dưới sự chỉ đạo sát sao của các cấp uỷ Đảng từ huyện đến cơ sở, nhân dân đã cố gắng, quyết tâm vượt lên khó khăn. Xác định được tầm quan trọng của khoa học - kỹ thuật trong quy trình chăm sóc lúa nên nhiều biện pháp đã được áp dụng rộng rãi trên đồng ruộng Thanh Liêm trong đó chú trọng cải tiến phương pháp bón phân cho lúa và lựa chọn cơ cấu giống lúa thích hợp. Được sự hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật, các đội

ché biến phân tích cực tạo nguồn phân chuồng, phân xanh, bèo dậu, điền thanh... tổ chức bón phối hợp với phân hoá học một cách hợp lý. Các đội chuyên giống nghiêm túc thực hiện quy trình xử lý giống và lựa chọn giống cho phù hợp với đồng đất Thanh Liêm, vụ chiêm năm 1976, giống mới cho năng suất cao như NN22, NN23, Mộc tuyền, tám, nếp...¹ được đưa vào sản xuất đại trà thay thế dần các giống cũ đã thoái hoá, năng suất thấp. Các kỹ thuật gieo mạ nền cứng, gieo mạ trên sân, gieo thẳng dần được áp dụng phổ biến.

Những biện pháp chỉ đạo sản xuất nông nghiệp phù hợp và sâu sát của Huyện ủy, Ủy ban Hành chính huyện mang lại những kết quả đáng khích lệ. Sản xuất nông nghiệp đạt khá trên cả 3 mặt: diện tích, năng suất và sản lượng. Diện tích vụ chiêm xuân năm 1976 đạt 109% kế hoạch. Năng suất lúa cả năm 1975 đạt 37,8 tạ/ha, vụ chiêm xuân năm 1976 đạt 24,64 tạ/ha. Năm 1975, tổng sản lượng là 27.808 tấn, vụ chiêm xuân năm 1976 là 19.390 tấn². Nhiều hợp tác xã đạt năng suất trên 30 tạ/ha như Thanh Sơn (Liêm Thuận), Lác Nội (Thanh Hương), Lại Xá (Thanh Tuyền), Bồng Lạng (Thanh Nghị), Khoái Quán (Liêm Sơn)...

Bên cạnh cây lương thực, chủ đạo là lúa và một số cây hoa màu, Đảng bộ tích cực chỉ đạo mở rộng diện tích một số cây hàng hoá có giá trị kinh tế cao và phục vụ xuất khẩu như: ớt, dưa, cây dược liệu. Nhiều xã trở thành mô hình điểm như xã Thanh Tâm trồng được 2 ha cây bạc hà, cất được 150kg tinh dầu; xã Thanh Nghị trồng ớt lấy nguyên liệu làm mành trúc xuất

¹ Nhiệm vụ sản xuất vụ mùa và vụ đông (5-4-1976). Theo *Những sự kiện lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Nam (1975-2000)*.

² Huyện ủy Thanh Liêm: *Báo cáo tình hình nhiệm vụ*, tháng 10-1976.

khẩu. Mô hình Thanh Nghị không những là điểm sáng của huyện mà còn được tỉnh đánh giá cao. Ngày 13 và 14-10-1976, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chọn Thanh Nghị để mở Hội nghị sơ kết phong trào trồng đót toàn tỉnh. Sau Hội nghị, huyện chủ trương mở rộng thêm diện tích, trồng mới 60 ha, nâng tổng số diện tích trồng đót toàn huyện lên 184 ha.

Những năm 1975, 1976 là thời điểm không thuận lợi cho phát triển chăn nuôi bởi khó khăn về giống và thức ăn. Huyện ủy chỉ đạo các xã quyết tâm giữ vững tổng đàn, nhất là đàn lợn với biện pháp chủ yếu là cải tạo đàn lợn bằng lợn lai, khuyến khích chăn nuôi gia đình và tiếp tục mở rộng chăn nuôi tập thể. Tháng 10-1976, toàn huyện có 29.640 con lợn. Một số hợp tác xã như Liêm Thuận, Liêm Chính có đàn lợn tập thể khá, đàn lợn giống lai kinh tế của Thanh Nguyên được duy trì và phát triển tốt. Đến 1-7-1976, đàn trâu tăng 2%, đàn bò tăng 12% so với năm 1975; một số nơi như Thanh Hương, Thanh Phong, Liêm Thuận, Liêm Sơn... đàn gia cầm tiếp tục phát triển tốt, nhất là đàn vịt.

Những kết quả đạt được trong sản xuất nông nghiệp đã đáp ứng tốt hơn yêu cầu về lương thực, thực phẩm của nhân dân và đảm bảo chỉ tiêu đóng góp cho Nhà nước. Năm 1975, đóng góp cho Nhà nước 4.236 tấn lương thực, riêng vụ chiêm xuân năm 1976 đóng góp 4.300 tấn, bằng cả năm 1975, vượt kế hoạch được giao với thời gian ngắn nhất và được Tỉnh ủy biểu dương, trong đó xã Liêm Thuận được Bộ Lương thực và Thực phẩm cấp bằng khen¹. Mức ăn bình quân của xã viên được nâng lên từ 12,8kg/người/tháng (năm 1975) lên 15,6kg/người/tháng (năm 1976).

¹ Những sự kiện lịch sử Đảng bộ Hà Nam (1975-2000), tr.29.

Thực hiện Chỉ thị số 208 của Ban Bí thư, Nghị quyết số 61/CP của Hội đồng Chính phủ về vận động tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý nông nghiệp theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Huyện ủy chỉ đạo các xã bám sát cơ cấu đất đai để bố trí cây trồng hợp lý; bước đầu phân công sử dụng lao động theo hướng chuyên môn hóa; tăng cường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, quy vùng sản xuất. Trên cơ sở đó, từng bước nghiên cứu và xây dựng phương án kinh tế - kỹ thuật của huyện. Trong quá trình thực hiện nội dung chuyển hợp tác xã lên quy mô toàn xã, đội sản xuất lên quy mô thôn, năm 1976, toàn huyện đã đưa 47 hợp tác xã hợp thành 23 hợp tác xã quy mô toàn xã với diện tích bình quân là 454 ha/hợp tác xã. Công tác quản lý của các hợp tác xã có nhiều thay đổi, tiến hành tổ chức các đội chuyên như: chuyên khâu giống, làm đất, chế biến phân bón, thủy nông...

Về sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, trước mắt, để đáp ứng yêu cầu về nguyên nhiên liệu, huyện tập trung củng cố và phát triển các ngành cơ khí, vật liệu xây dựng, đá vôi, chế biến thực phẩm... Các xí nghiệp quốc doanh như Xí nghiệp đá vôi số 1, Công ty đá vôi Hà Nam Ninh, Mỏ đá Tổng cục đường sắt, Nhà máy Cơ khí 63 đều tăng cường công tác quản lý, sản xuất kinh doanh, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước. Các ngành nghề thủ công thêu ren, đan lát, làm gạch ngói... được các hợp tác xã chú ý phát triển, điển hình là các xã Thanh Hương, Thanh Hà, Thanh Châu, Thanh Tuyền, Liêm Sơn... Giá trị tổng sản lượng công nghiệp, thủ công nghiệp của huyện năm 1975 đạt 4.856.000 đồng.

Trong điều kiện còn hạn hẹp về nguồn kinh phí, công tác xây dựng cơ bản được tập trung ưu tiên xây dựng hệ thống thủy nông

và các công trình phúc lợi công cộng. Ngoài các đội chuyên 202, huyện huy động dân công và các lực lượng khác tập trung hoàn chỉnh một bước hệ thống thuỷ nông, hoàn thành kế hoạch đào đắp những công trình tưới tiêu chính, đáp ứng tốt hơn yêu cầu thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích. Hệ số tiêu của các công trình thuỷ lợi tăng từ 1,9 lít/giây lên 3 lít/giây, giải quyết một bước nạn úng. Các công trình nhà kho, sân phơi, chuồng trại chăn nuôi của các hợp tác xã được tu sửa và xây dựng thêm. Đội công trình của huyện lựa chọn được đội ngũ có tay nghề cao, cải tiến công tác quản lý, do đó chất lượng và tốc độ xây dựng được đẩy nhanh và đảm bảo hơn trước. Để phát triển hệ thống giao thông, huyện dành một lượng đầu tư lớn, đồng thời thực hiện phương châm "*Nhà nước và nhân dân cùng làm*" huy động hàng vạn ngày công đào đắp, bồi trúc và tu sửa mặt đường, bến bãi... Phong trào giao thông nông thôn có bước phát triển, nhất là các phương tiện và lực lượng vận tải bán chuyên trong các hợp tác xã nông nghiệp. Bảo đảm được việc vận chuyển vật tư hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống, góp phần giải phóng sức lao động, tăng thêm nhân lực cho sản xuất nông nghiệp.

Các ngành tài chính, ngân hàng, thương nghiệp thu mua, phân phối vật tư, hàng hoá, tăng cường và quản lý kinh tế, bám sát yêu cầu phục vụ sản xuất và đời sống. Công tác thu chi, đầu tư vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở vật chất được chú trọng. Năm 1975 và 6 tháng đầu năm 1976, huyện đã cho vay 19.036.000 đồng, trong đó ngành nông nghiệp vay 3.466.000 đồng, tăng 29% so với năm 1973 và 1974. Các hợp tác xã tín dụng tăng cường công tác vận động gửi tiền tiết kiệm đạt kết quả tốt. Chín tháng đầu năm 1976, số tiền gửi tiết kiệm tăng hơn 200.000 đồng so

với cuối năm 1975. Tình trạng tham ô, lợi dụng móc ngoặc, cửa quyền, làm ăn phi pháp và gây phiền hà cho quần chúng bước đầu được khắc phục, có tác dụng tốt đến sản xuất và đời sống nhân dân.

Sự nghiệp giáo dục, y tế thường xuyên được quan tâm. Ngành Giáo dục từng bước phát triển theo quy mô chất lượng giáo dục toàn diện. Kết quả tốt nghiệp năm học 1975-1976 ở cấp I đạt 96,5%, cấp II đạt trên 80%, cấp III đạt 70%. Phong trào thi đua "*dạy tốt, học tốt*" đạt kết quả khá toàn diện. Các cơ sở y tế được củng cố, trang bị thêm phương tiện. Phương pháp khám chữa bệnh Đông, Tây y kết hợp, sử dụng nguồn dược liệu tại chỗ để phục vụ điều trị được áp dụng rộng rãi. Đặc biệt phong trào xây dựng nếp sống mới, con người mới được quan tâm chỉ đạo, một số cơ sở đã xây dựng được điển hình tiên tiến.

Cách mạng chuyển sang giai đoạn mới, công tác quân sự cũng có những chuyển biến phù hợp. Huyện giữ vững và phát huy truyền thống liên tục 11 năm (1965-1975) là lá cờ đầu về công tác tuyển quân của Quân khu III. Lực lượng dân quân tự vệ vừa làm nòng cốt, xung kích trong sản xuất, xây dựng cơ bản, phòng chống lụt bão... và phối hợp chặt chẽ với lực lượng công an giữ vững trật tự trị an trên địa bàn. Huyện ủy chỉ đạo tăng cường xây dựng lực lượng dân quân tự vệ cả về số lượng và chất lượng, chiếm 12,4% dân số toàn huyện, trong đó 2 xã Liêm Cần và Thanh Tuyên có đội dân quân tự vệ mạnh. Phong trào bảo vệ trật tự trị an được giữ vững, phát hiện và xử lý kịp thời những âm mưu phá hoại của phần tử xấu.

Song song với công tác lãnh đạo xây dựng kinh tế, ổn định đời sống nhân dân, công tác xây dựng Đảng được Đảng bộ hết

sức coi trọng trên cả ba nội dung: chính trị, tư tưởng và tổ chức. Các cấp uỷ và tổ chức cơ sở đảng từng bước cải tiến nội dung sinh hoạt, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, cải tiến phương pháp làm việc, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của mỗi cấp uỷ đảng, các ban xây dựng đảng... nhằm đưa công tác lãnh đạo của cấp uỷ ngày càng hiệu quả hơn.

Trong công tác tư tưởng, Đảng bộ tổ chức nhiều đợt sinh hoạt chính trị tập trung, nghiên cứu Nghị quyết Trung ương 23 về công tác xây dựng Đảng, Nghị quyết Trung ương 24 về nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới và các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh uỷ. Trường Đảng huyện liên tục mở các lớp bồi dưỡng, đào tạo lý luận chính trị. Việc học tập lý luận đi dần vào nề nếp. Đã cử 9 đồng chí đi học Trường Nguyễn Ái Quốc, 14 đồng chí học Trường Đảng tỉnh, trên 300 đồng chí học Trường Đảng huyện, 33 đồng chí học văn hoá tập trung và bồi dưỡng trên 1.000 đảng viên ở các lớp mở tại cơ quan và các xã. Đảng bộ luôn thống nhất cao trong đánh giá tình hình, nhiệm vụ mới, nâng cao một bước tinh thần trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu, ý chí tự lực tự cường của cán bộ, đảng viên trong lao động sản xuất, phát triển kinh tế và tổ chức đời sống mới. Từ đó, những bản khoản ban đầu về việc chuyển giai đoạn cách mạng, công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, về tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa... được giải toả.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 23, Huyện uỷ chỉ đạo các đảng bộ, chi bộ tiến hành tự phê bình và phê bình, kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ chính trị; kiện toàn bộ máy cấp uỷ các cấp; chủ động giải quyết những khó khăn ở các cơ sở yếu kém. Trong các hợp tác xã nông nghiệp, kết hợp tổ chức lại sản xuất

với xây dựng chi bộ theo đội sản xuất. Những nơi phong trào yếu, nội bộ mất đoàn kết, Huyện uỷ lập tổ công tác xuống cơ sở trực tiếp chỉ đạo giải quyết. Nhờ đó, qua phân loại 6 tháng đầu năm 1976, đảng viên trung bình giảm 14%, đảng viên cần xem xét giảm 13% so với 6 tháng đầu năm 1975.

Bộ máy lãnh đạo các cấp luôn được kiện toàn và đổi mới thông qua Đại hội Đảng các cấp. Đảng bộ lập quy hoạch đào tạo bồi dưỡng, sử dụng cán bộ từ huyện đến cơ sở, tiến hành xây dựng tiêu chuẩn hóa cán bộ. Công tác đề bạt cán bộ nhìn chung bảo đảm tiêu chuẩn, phẩm chất, năng lực; đặc biệt quan tâm đến đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ và cán bộ khoa học - kỹ thuật. Qua đó, từng bước bổ sung lực lượng trẻ có năng lực và trình độ văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ để có thể phát huy năng lực trong lãnh đạo và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Huyện uỷ quan tâm chỉ đạo các cơ sở chú trọng lập quy hoạch phát triển đảng viên và đưa công tác này vào nề nếp. Trong 2 năm 1975, 1976 kết nạp được 26 đảng viên mới, hầu hết là đoàn viên thanh niên tích cực, có tác dụng làm nòng cốt trong các phong trào quần chúng. Tuy nhiên công tác phát triển đảng viên khu vực nông thôn còn yếu¹.

Công tác xây dựng Đảng được chú trọng, đã có tác động lớn đến các hoạt động xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội trong toàn huyện, đặc biệt là việc củng cố sản xuất và ổn định đời sống nhân dân. Đội ngũ đảng viên được trang bị những kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, luôn tin tưởng vào chủ trương, đường lối

¹ Chỉ có 6 đồng chí thuộc các chi bộ nông thôn trong tổng số 26 đồng chí mới được kết nạp.

của Đảng, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, làm nòng cốt cho phong trào cách mạng, hoàn thành những nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ giao phó trong những năm đầu sau ngày thống nhất đất nước.

Nhờ những nỗ lực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ và sự đoàn kết, thống nhất của dân và quân toàn huyện, về cơ bản những chỉ tiêu của Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII (5-1975) đề ra đã được hoàn thành.

Tháng 10-1976, Đảng bộ huyện Thanh Liêm tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ XVIII. Đại hội đã đánh giá cao những kết quả đạt được, đồng thời chỉ ra những hạn chế nhược điểm trong nhiệm kỳ trước, đó là: hiệu quả phát triển kinh tế ở một số mặt còn thấp, phong trào chuyển biến chậm, thiếu nhạy bén với cái mới, chưa khai thác tốt khả năng, tiềm lực của địa phương. Với tinh thần "*Tất cả để sản xuất, tất cả để xây dựng chủ nghĩa xã hội, tất cả vì Tổ quốc giàu mạnh, vì hạnh phúc của nhân dân*", Đại hội thống nhất nhiệm vụ chung của Đảng bộ trong những năm tiếp theo là: "*Đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế và văn hoá, trọng tâm là sản xuất nông nghiệp, tiêu thủ công nghiệp, góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Mở rộng sản xuất ở cả khu vực tập thể và quốc doanh với 2 mũi tiến công: vùng đồng bằng tập trung phát triển lúa và rau màu, vùng rừng núi tập trung khai thác đá và trồng cây lấy gỗ. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hoá với củng cố lực lượng dân quân tự vệ, công an, sẵn sàng đập tan âm mưu của kẻ thù, làm tròn nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ hạnh phúc cho nhân dân*"¹

¹ Huyện ủy Thanh Liêm: Báo cáo tình hình nhiệm vụ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Thanh Liêm, tháng 10-1976.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XVIII gồm 19 ủy viên chính thức, 2 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Đinh Văn Nhung được bầu giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy, đồng chí Lê Dương Hân được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Hoàng Ngọc Quyết tiếp tục được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban hành chính.

Sau Đại hội, cùng với việc ổn định tổ chức, Ban Chấp hành Đảng bộ mở các Hội nghị bàn biện pháp thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Nhận thức được nhiệm vụ trong nhiệm kỳ trước mắt hết sức khó khăn, phức tạp bởi thực hiện một chủ trương mới trong điều kiện kinh tế - xã hội của huyện vẫn chưa hoàn toàn ra khỏi những khó khăn, Huyện ủy xác định trước hết phải quán triệt được những nội dung căn bản của các Nghị quyết, củng cố tinh thần tiến công cho cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cán bộ cấp cơ sở. Các cấp ủy cơ sở phải bám sát nghị quyết chung, nắm vững tình hình, từ đó lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền và các ngành chức năng vận dụng cụ thể nội dung 3 cuộc cách mạng vào từng lĩnh vực. Đồng thời, trong quá trình thực hiện, không ngừng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy hiệu lực quản lý của chính quyền, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của quần chúng nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản. Từ cơ sở phải đẩy lên cao trào thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước rộng khắp với nhiều hình thức phong phú, sôi nổi trong toàn dân.

Để thực hiện được nhiệm vụ, tác phong lãnh đạo chỉ đạo và phương pháp công tác của cấp ủy, cán bộ, đảng viên phải được sửa đổi theo hướng gắn nhiệm vụ cụ thể với từng cá nhân, tổ chức đảng để nâng cao tinh thần trách nhiệm trước mỗi nội dung